

Số: 1476/TT-UBND

Cao Bằng, ngày 14 tháng 6 năm 2023

### TỜ TRÌNH

**Dự thảo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định khu vực thuộc nội thành của thành phố, thị trấn, khu dân cư không được phép chăn nuôi và chính sách hỗ trợ khi di dời cơ sở chăn nuôi ra khỏi khu vực không được phép chăn nuôi trên địa bàn tỉnh Cao Bằng**

Kính gửi: Hội đồng nhân dân tỉnh Cao Bằng.

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Thực hiện Thông báo số 166/TB-HĐND ngày 04 tháng 5 năm 2023 của Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh về thời gian, nội dung, chương trình và phân công chuẩn bị cho Kỳ họp thứ 14 (Kỳ họp thường lệ giữa năm 2023) Hội đồng nhân dân tỉnh Cao Bằng khóa XVII, nhiệm kỳ 2021-2026;

Ủy ban nhân dân tỉnh xây dựng Dự thảo Nghị quyết "Quy định khu vực thuộc nội thành của thành phố, thị trấn, khu dân cư không được phép chăn nuôi và chính sách hỗ trợ khi di dời cơ sở chăn nuôi ra khỏi khu vực không được phép chăn nuôi trên địa bàn tỉnh Cao Bằng" kính trình Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét ban hành, cụ thể như sau:

#### I. SỰ CẦN THIẾT BAN HÀNH NGHỊ QUYẾT

1. Luật Chăn nuôi số 32/2018/QH14 ngày 19 tháng 11 năm 2018 quy định:

- Tại khoản 1, Điều 12 quy định: Các hành vi bị nghiêm cấm trong chăn nuôi: "*Chăn nuôi trong khu vực không được phép chăn nuôi của thành phố, thị xã, thị trấn, khu dân cư; trừ nuôi động vật làm cảnh, nuôi động vật trong phòng thí nghiệm mà không gây ô nhiễm môi trường*".

- Điểm h, khoản 1, Điều 80: quy định trách nhiệm của UBND tỉnh "*Trình HĐND cấp tỉnh quyết định khu vực thuộc nội thành của thành phố, thị xã, thị trấn, khu dân cư không được phép chăn nuôi, quyết định vùng nuôi chim yến và chính sách hỗ trợ khi di dời cơ sở chăn nuôi ra khỏi khu vực không được phép chăn nuôi*".

2. Theo kết quả tổng điều tra nông nghiệp nông thôn năm 2020, toàn tỉnh có 11.912 hộ chăn nuôi ở khu vực thành thị; kết quả lấy ý kiến (5 lần) của các huyện thành phố, sau khi rà soát hiện nay có khoảng 206 hộ chăn nuôi trong khu vực nội thành của thành phố, thị trấn khu dân cư có khả năng gây ô nhiễm môi trường từ hoạt động chăn nuôi, đặc biệt là ô nhiễm về mùi, chất thải....Số lượng vật nuôi tại các khu vực này chiếm tỷ lệ thấp so với tổng đàn vật nuôi toàn tỉnh.

Do đó nếu có dừng hoạt động chăn nuôi, thì cũng không ảnh hưởng lớn đến giá trị sản xuất của ngành chăn nuôi.

Chăn nuôi càng phát triển kéo theo nó là nguy cơ ô nhiễm môi trường từ chất thải chăn nuôi càng lớn. Bên cạnh đó, một số bệnh truyền nhiễm có thể bị lây nhiễm từ động vật sang người (Lở mồm long móng, Cúm gia cầm, Sảy thai truyền nhiễm, Nhiệt thán, Ký sinh trùng, Uốn ván, Đại...). Cùng với tốc độ đô thị hoá, để đảm bảo mỹ quan đô thị, giảm thiểu nguy cơ ô nhiễm môi trường từ chăn nuôi và lây lan dịch bệnh... thì việc ban hành quy định khu vực nội thành thuộc thành phố, thị trấn khu dân cư không được phép chăn nuôi, trừ động vật làm cảnh, nuôi động vật trong phòng thí nghiệm mà không gây ô nhiễm môi trường là cần thiết. Bên cạnh đó có cả hoạt động chăn nuôi để phát triển kinh tế gia đình, việc không được phép chăn nuôi cũng sẽ ảnh hưởng đến sinh kế của các hộ nằm trong vùng không được phép chăn nuôi. Để đảm bảo ổn định đời sống thì việc ban hành cơ chế, chính sách hỗ trợ các hộ chăn nuôi ra khỏi khu vực không được phép chăn nuôi là cần thiết.

Để giải quyết tình trạng ô nhiễm môi trường và cải thiện môi trường sống cho người dân, góp phần cải tạo, chỉnh trang đô thị cho phù hợp với quá trình phát triển của tỉnh, tạo điều kiện cho các địa phương đẩy nhanh việc quy hoạch, thực hiện quy hoạch chăn nuôi tập trung, đồng thời tạo điều kiện cho các cơ sở phải di dời mạnh dạn đầu tư, đổi mới máy móc thiết bị, công nghệ, mở rộng quy mô sản xuất, giúp cho hoạt động sản xuất của cơ sở sản xuất chăn nuôi ổn định và phát triển bền vững, bảo vệ môi trường và chỉnh trang đô thị.

Từ quy định của pháp luật và tình hình thực tế nêu trên, việc xây dựng và ban hành Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh Quy định khu vực thuộc nội thành của thành phố, thị trấn, khu dân cư không được phép chăn nuôi và chính sách hỗ trợ khi di dời cơ sở chăn nuôi ra khỏi khu vực không được phép chăn nuôi trên địa bàn tỉnh Cao Bằng là cần thiết để cụ thể hoá các quy định của Luật Chăn nuôi và các quy định pháp luật khác có liên quan, đồng thời tạo cơ sở định hướng lại việc quy hoạch phát triển chăn nuôi trên địa bàn quản lý của các cấp chính quyền địa phương.

## II. MỤC ĐÍCH, QUAN ĐIỂM XÂY DỰNG NGHỊ QUYẾT

**1. Mục đích:** Thực hiện quy định của Luật Chăn nuôi năm 2018: Quy định các khu vực không được phép chăn nuôi trên địa bàn tỉnh nhằm giải quyết, xử lý và cải thiện tình trạng ô nhiễm môi trường tại các khu vực dân cư và nâng cao chất lượng cuộc sống cho người dân, góp phần thúc đẩy quá trình đô thị hoá, xanh, đẹp, cải thiện môi trường sống cho cộng đồng dân cư; đồng thời hỗ trợ giải quyết khó khăn về kinh tế cho các hộ chăn nuôi đang hoạt động thuộc diện phải di dời chuồng trại ra khỏi khu vực không được phép chăn nuôi hoặc chấm dứt hoạt động chăn nuôi, chuyển đổi sang ngành nghề khác có điều kiện duy trì và phát triển sản xuất.

**2. Quan điểm chỉ đạo:** Việc xây dựng Nghị quyết đảm bảo đúng theo quy định của pháp luật; phù hợp với các quy định của Trung ương, tình hình thực tế của địa phương.

### III. QUÁ TRÌNH XÂY DỰNG DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT

1. Quá trình xây dựng Dự thảo Nghị quyết thực hiện theo đúng trình tự, thủ tục ban hành văn bản quy phạm pháp luật.

2. Dự thảo Nghị quyết được cơ quan chủ trì soạn thảo thực hiện lấy ý kiến của các sở, ban, ngành tỉnh, Ủy ban nhân các huyện, thành phố; đồng thời tiến hành đăng tải Dự thảo Nghị quyết trên Cổng thông tin điện tử của tỉnh để lấy ý kiến của các tổ chức, cá nhân theo quy định.

3. Dự thảo Nghị quyết được lấy ý kiến thông qua Hội nghị phản biện xã hội do Ủy ban Mặt trận Tổ Quốc Việt Nam tỉnh Cao Bằng tổ chức (tháng 11/2022).

Trên cơ sở các ý kiến tham gia góp ý của các cơ quan, đơn vị và cộng đồng dân cư, cơ quan chủ trì soạn thảo tiếp thu chỉnh sửa, bổ sung những nội dung hợp lý, giải trình những nội dung chưa hợp lý và gửi Sở Tư pháp đề nghị thẩm định theo quy định (Sở Tư pháp đã thẩm định tại Báo cáo thẩm định 839/BC-STP ngày 2/6/2023). Cơ quan chủ trì soạn thảo đã tiếp thu chỉnh sửa, hoàn thiện Dự thảo Tờ trình của Ủy ban nhân dân tỉnh, Dự thảo Nghị quyết của Hội đồng dân dân tỉnh. Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh Dự thảo Nghị quyết để xem xét, quyết định.

### IV. BỐ CỤC, NỘI DUNG CỦA DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT

1. Bố cục Dự thảo Nghị quyết, gồm: Nghị quyết và Phụ lục danh sách khu vực không được phép chăn nuôi trên địa bàn tỉnh Cao Bằng.

2. Nội dung của Dự thảo Nghị quyết, gồm:

Căn cứ pháp lý

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

Điều 2. Khu vực không được phép chăn nuôi

Điều 3. Chính sách hỗ trợ khi di dời cơ sở chăn nuôi ra khỏi khu vực không được phép chăn nuôi

Điều 4. Tổ chức thực hiện

### V. NHỮNG VẤN ĐỀ XIN Ý KIẾN

- Đơn vị chủ trì soạn thảo đã ban hành công văn xin ý kiến Sở Tài Chính về nguồn lực thực hiện Nghị quyết; ban hành văn bản gửi xin ý kiến góp của UBND các huyện, thành phố và các đơn vị liên quan (thể hiện trong báo cáo giải trình ý kiến góp ý); giải trình ý kiến thẩm định Sở Tư Pháp; Báo cáo giải trình tiếp thu ý kiến của các thành viên UBND tỉnh.

- Lấy ý kiến tại Hội nghị phản biện xã hội đối với Dự thảo Nghị quyết do Ủy ban Mặt Trận tổ quốc Tỉnh tổ chức. Đơn vị chủ trì soạn thảo đã có văn bản giải trình, tiếp thu ý kiến phản biện.

### VI. THỜI GIAN ĐỀ NGHỊ XEM XÉT

UBND tỉnh trình HĐND tỉnh xem xét thông qua tại Kỳ họp thứ 14 (Kỳ họp thường lệ giữa năm 2023) Hội đồng nhân dân tỉnh khoá XVII, nhiệm kỳ 2021-2026.

(Gửi kèm theo Tờ trình: (1) dự thảo Nghị quyết “ Quy định khu vực thuộc nội thành của thành phố, thị trấn, khu dân cư không được phép chăn nuôi và chính sách hỗ trợ di dời cơ sở chăn nuôi ra khu vực không được phép chăn nuôi trên địa bàn tỉnh Cao Bằng”; (2) Báo cáo thẩm định số 839/BC-STP ngày 02/6/2023 của Sở Tư pháp; (3) Báo cáo số 1203 /BC-SNN ngày 19/5/2023 của Sở Nông nghiệp và PTNT về tổng hợp ý kiến giải trình tiếp thu ý kiến góp ý của các cơ quan, đơn vị liên quan; (4) Báo cáo số 1342/BC-SNN ngày 02/6/2023 của Sở Nông nghiệp và PTNT về giải trình, tiếp thu ý kiến thẩm định của Sở tư pháp; (5) Công văn số 1126/ STC- QLNS ngày 15/5/2023 của Sở Tài chính về cho ý kiến đối với nguồn lực thực hiện Nghị quyết).

Trên đây là Tờ trình dự thảo Nghị quyết Quy định khu vực thuộc nội thành của thành phố, thị trấn, khu dân cư không được phép chăn nuôi và chính sách hỗ trợ di dời cơ sở chăn nuôi ra khu vực không được phép chăn nuôi trên địa bàn tỉnh Cao Bằng, Ủy ban nhân dân tỉnh kính trình Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, thông qua./.

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Ban Kinh tế - Ngân sách, HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, PCT, các Ủy viên UBND tỉnh;
- Các sở: NNN&PTNT; TP; TC;
- VP UBND tỉnh: CVP, các PCVP; TH (Hà Trang, Nhung);
- Lưu: VT, KT(pvT).

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
CHỦ TỊCH**



**Hoàng Xuân Ảnh**

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN  
TỈNH CAO BẰNG

Số: /2023/NQ-HĐND

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Cao Bằng, ngày tháng năm 2023

(DỰ THẢO)

### NGHỊ QUYẾT

**Quy định khu vực thuộc nội thành của thành phố, thị trấn, khu dân cư không được phép chăn nuôi và chính sách hỗ trợ khi di dời cơ sở chăn nuôi ra khỏi khu vực không được phép chăn nuôi trên địa bàn tỉnh Cao Bằng**

### HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH CAO BẰNG KHÓA XVII, KỲ HỌP THỨ 14

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;*

*Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ điểm h, khoản 1, Điều 80 Luật Chăn nuôi ngày 19 tháng 11 năm 2018;*

*Căn cứ Nghị định số 13/2020/NĐ-CP ngày 21 tháng 01 năm 2020 của Chính phủ hướng dẫn chi tiết Luật Chăn nuôi;*

*Căn cứ Nghị định số 46/2022/NĐ-CP ngày 13/7/2022 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 13/2020/NĐ-CP ngày 21 tháng 01 năm 2020 của Chính phủ hướng dẫn chi tiết Luật Chăn nuôi;*

*Căn cứ Thông tư số 23/2019/TT- BNNPTNT ngày 30 tháng 11 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hướng dẫn một số điều của Luật chăn nuôi về hoạt động chăn nuôi;*

*Xét Tờ trình số...../TTr-UBND ngày.....tháng .... năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Cao Bằng về Dự thảo Nghị quyết quy định khu vực thuộc nội thành của thành phố, thị trấn, khu dân cư không được phép chăn nuôi và chính sách hỗ trợ khi di dời cơ sở chăn nuôi ra khỏi khu vực không được phép chăn nuôi trên địa bàn tỉnh Cao Bằng; Báo cáo thẩm tra của Ban Dân tộc Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.*

### QUYẾT NGHỊ:

**Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng**

### 1. Phạm vi điều chỉnh:

a) Nghị quyết này quy định khu vực thuộc nội thành của thành phố, thị trấn, khu dân cư không được phép chăn nuôi và chính sách hỗ trợ khi di dời cơ sở chăn nuôi ra khỏi khu vực không được phép chăn nuôi trên địa bàn tỉnh Cao Bằng.

b) Nghị quyết này không áp dụng đối với trường hợp nuôi động vật làm cảnh, nuôi động vật trong phòng thí nghiệm mà không gây ô nhiễm môi trường.

### 2. Đối tượng áp dụng

a) Tổ chức, hộ gia đình, cá nhân có cơ sở chăn nuôi gia súc, gia cầm và các loại động vật khác nằm trong khu vực không được phép chăn nuôi trên địa bàn tỉnh.

b) Tổ chức, hộ gia đình, cá nhân có liên quan đến hoạt động chăn nuôi gia súc, gia cầm và động vật khác trong chăn nuôi.

### **Điều 2. Khu vực không được phép chăn nuôi**

Khu vực thuộc nội thành của thành phố, thị trấn, khu dân cư không được phép chăn nuôi (sau đây gọi chung là Khu vực không được phép chăn nuôi) trên địa bàn tỉnh Cao Bằng gồm các khu vực quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị quyết này.

### **Điều 3. Chính sách hỗ trợ khi di dời cơ sở chăn nuôi ra khỏi khu vực không được phép chăn nuôi**

1. Đối tượng được hỗ trợ: Tổ chức, hộ gia đình, cá nhân chăn nuôi quy định tại điểm a, khoản 2 Điều 1 của Nghị quyết này thực hiện việc ngừng hoạt động chăn nuôi hoặc tháo dỡ, di dời cơ sở chăn nuôi ra khỏi khu vực không được phép chăn nuôi trước ngày 01 tháng 01 năm 2025.

#### 2. Nguyên tắc hỗ trợ:

a) Các đối tượng chỉ được hưởng một trong các chính sách quy định trong Nghị quyết.

b) Việc hỗ trợ chỉ được thực hiện khi cơ sở chăn nuôi hoàn thành việc tháo dỡ, di dời cơ sở chăn nuôi hoặc ngừng hoạt động chăn nuôi trong các khu vực không được phép chăn nuôi.

#### 3. Các chính sách hỗ trợ:

a) Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề (thời gian đào tạo dưới 3 tháng):

- Mức hỗ trợ bao gồm:

+ Hỗ trợ chi phí đào tạo chuyển đổi nghề: Mức 3.000.000, đồng/người/khoá;

+ Hỗ trợ tiền ăn: 30.000, đ/người/ngày thực học;

+ Hỗ trợ tiền đi lại: 200.000, đ/người/khoá nếu địa điểm đào tạo xa nơi cư trú từ 15km trở lên.

- Phương thức hỗ trợ: Hỗ trợ 01 lần sau khi chủ cơ sở ngừng hoạt động chăn nuôi và hoàn thành khoá học.

- Số lao động được hỗ trợ theo quy mô chăn nuôi tương ứng với số đơn vị vật nuôi như sau:

+ Dưới 05 đơn vị vật nuôi: 01 lao động/cơ sở.

+ Từ 05 đến 10 đơn vị vật nuôi: 02 lao động/cơ sở

+ Trên 10 đơn vị vật nuôi, qui mô cứ tăng thêm 5 đơn vị vật nuôi thì được hỗ trợ thêm 01 lao động/cơ sở.

(Cách tính một đơn vị vật nuôi theo quy định tại Phụ lục V kèm theo Nghị định số 46/2022/NĐ-CP ngày 13 tháng 7 năm 2022 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 13/2020/NĐ-CP ngày 21 tháng 01 năm 2020 của Chính phủ hướng dẫn chi tiết Luật Chăn nuôi).

b) Hỗ trợ cho các cơ sở khi ngừng hoạt động chăn nuôi mà không có nhu cầu đào tạo chuyển đổi nghề:

- Mức hỗ trợ: 3.000.000,đ/nhân khẩu (tương đương 30 kg gạo/nhân khẩu/tháng, trong thời gian 06 tháng), mức hỗ trợ không quá 10 triệu đồng/cơ sở.

- Phương thức hỗ trợ: 01 lần sau khi ngừng hoạt động chăn nuôi, đồng thời tự tháo dỡ chuồng trại.

- Số nhân khẩu được hỗ trợ được tính như sau:

+ Dưới 05 đơn vị vật nuôi: 01 nhân khẩu/cơ sở.

+ Từ 05 đến 10 đơn vị vật nuôi: 02 nhân khẩu/cơ sở

+ Trên 10 đơn vị vật nuôi, qui mô cứ tăng thêm 5 đơn vị vật nuôi thì được hỗ trợ thêm 01 nhân khẩu/cơ sở.

(Cách tính một đơn vị vật nuôi theo quy định tại Phụ lục V kèm theo Nghị định số 46/2022/NĐ-CP ngày 13 tháng 7 năm 2022 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 13/2020/NĐ-CP ngày 21 tháng 01 năm 2020 của Chính phủ hướng dẫn chi tiết Luật Chăn nuôi).

c) Hỗ trợ di dời chuồng trại ra khỏi khu vực không được phép chăn nuôi.

- Mức hỗ trợ: Chi phí tháo dỡ chuồng trại tại khu vực không được phép chăn nuôi, vận chuyển, xây dựng mới tại khu vực được phép chăn nuôi như sau:

+ Đối với chuồng kiên cố (xây toàn bộ, hoặc có một phần vách lưới B40 hoặc lưới mắt cáo bao quanh; cột bê tông cốt thép hoặc khung cột thép; nền bê tông hoặc láng vữa xi măng dày 3cm trở lên; mái lợp tôn hoặc Phibro xi măng...): Hỗ trợ 70.000 đồng/m<sup>2</sup> chuồng, nhưng không quá 10.000.000,đ (Mười triệu đồng) cho 1 cơ sở chăn nuôi.

+ Đối với chuồng bằng cột gỗ, khung gỗ; nền láng vữa xi măng hoặc lát gạch, lát gỗ; vách bằng tre, nứa, gỗ tạp; mái lợp ngói, Phibro xi măng, mái lá...): Hỗ trợ 50.000 đồng/m<sup>2</sup> chuồng, nhưng không quá 7.000.000 đồng (Bảy triệu đồng) cho một cơ sở chăn nuôi.

- Phương thức: hỗ trợ 1 lần sau khi xây xong chuồng trại tại địa điểm phù hợp.

4. Kinh phí thực hiện: Từ nguồn ngân sách địa phương.

#### **Điều 4. Tổ chức thực hiện**

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh triển khai thực hiện Nghị quyết và định kỳ báo cáo Hội đồng nhân dân tỉnh về kết quả thực hiện.

2. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân, các Tổ đại biểu và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc triển khai thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Cao Bằng Khóa XVII, kỳ họp thứ 14 thông qua ngày...tháng...năm 2023 và có hiệu lực kể từ ngày...tháng...năm.../.

#### **Nơi nhận:**

- Ủy ban thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Các Bộ: Tài chính, NN&PTNT;
- Cục Kiểm tra văn bản QPPL - Bộ Tư pháp;
- TT. Tỉnh ủy; TT. HĐND tỉnh;
- Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh;
- Ủy ban nhân dân tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh;
- Các Huyện ủy, Thành ủy; HĐND và UBND các huyện, thành phố;
- Các đại biểu HĐND tỉnh khóa XVII;
- Trung tâm thông tin tỉnh;
- Lưu: VT.

**CHỦ TỊCH**

**Triệu Đình Lê**



**Phụ lục**

**DANH SÁCH KHU VỰC KHÔNG ĐƯỢC PHÉP CHĂN NUÔI  
TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH CAO BẰNG**

*(Ban hành kèm theo Nghị quyết số: /2023/NQ-HĐND ngày tháng năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Cao Bằng)*

STT	Huyện	Khu vực không được phép chăn nuôi	Vị trí tọa độ
1	Bảo Lạc		
	Thị trấn Bảo Lạc	<p><b>1. Tổ dân phố 2.</b> Điểm 1 kéo dài đến Điểm 2, Điểm 3</p> <p><b>2. Tổ dân phố 3.</b> Khu 1: Từ nhà ông Nông Văn Lùng kéo dài đến nhà Vương Thị Ngân  Khu 2: Từ nhà ông Phạm Văn Đoàn kéo dài đến nhà Vương Mai Anh  Khu 3: Từ nhà ông Nguyễn Ngọc Hạnh kéo dài đến Nông Thanh Đại, Trần Văn Dò, Nông Thị lèn  Khu 4: Vườn nhà ông Lục Xuân Hòa đến sau khu vui chơi Sân vận động</p> <p><b>3. Tổ dân phố 6.</b> Khu 1: Nhà Lâm Văn Phú đến nhà Mông Văn Khảm, kéo dài đến nhà ông Tô Văn Thủy, Nông Lữ Hải, Mạc Tiến Văn, Nông Văn Hoan, Mông Văn Dương có 7 Điểm</p>	<p><b>1. Tổ dân phố 2:</b> có 3 điểm: <b>(01)</b> X = 492683 - Y = 2538632; <b>(02)</b> X = 492651,5000 - Y = 2538642,2200; <b>(03)</b> X = 492582,6700 - Y = 2538672,2100.</p> <p><b>2. Tổ dân phố 3: Gồm 04 khu vực</b> - Khu 1: có 2 điểm (từ điểm 1 đến điểm 2) <b>(1)</b> X = 492627,4700 - Y = 2538434,9000; <b>(02)</b> X = 492527,0300 - Y = 2538471,1500. - Khu 2: có 2 điểm (từ điểm 3 đến điểm 4) <b>(3)</b> X = 492570.0900 - Y = 2538472.7700; <b>(4)</b> X = 492703,2400 - Y = 2538442,8700. - Khu 3: có 4 điểm (từ điểm 5 đến điểm 8): <b>(5)</b> X = 492579,8600 - Y = 2538495,0700; <b>(6)</b> X= 492608,4800 - Y = 2538482,4000; <b>(7)</b> X = 492710,5800 - Y = 2538454,1100; <b>(8)</b> X = 492745.5200 - Y = 2538456,1700. - Khu 4: có 3 điểm (từ điểm 1 đến điểm 3): <b>(1)</b> X = 492769,4400 - Y = 2538596,4400; <b>(2)</b> X = 492828,6500 - Y = 2538611,0400; <b>(3)</b> X = 492801,2400 - Y = 2538675,3600.</p> <p><b>3. Tổ dân phố 6: gồm 2 khu vực</b> - Khu 1 có 7 điểm: <b>(1)</b> X= 492615,8800 - Y = 2539069,5400 ; <b>(2)</b> X= 492586,1200 - Y = 2539016,3900; <b>(3)</b> X=492631,3800 - Y = 2539035,2000 ; <b>(4)</b> X= 492671,3300 - Y = 2539019,8600 ; <b>(5)</b> X= 492742,2400 - Y = 2539038,9800 ; <b>(6)</b> X= 492728,2100 - Y =</p>

STT	Huyện	Khu vực không được phép chăn nuôi	Vị trí toạ độ
		Khu 2: Từ nhà ông Lý Thanh Chiêu kéo dài đến nhà ông Ma Thế Quang, nhà Trần Thị Tranh, Từ nhà ông Đặng Phong Viễn kéo dài đến nhà Hoa Hữu Tình	2539017,9100 ; (7) X = 492742,9500 - Y = 2539008,5100. - Khu 2: gồm 5 điểm: (1) X = 492586,6500 - Y = 2539004,2200; (2) X=492660,7900 - Y = 2539002,9400; (3) X = 492614, 1600 - Y = 2538976,5000. (4) X = 492696,2900 - Y = 2538996,1800; (5) X=492724,4100 - Y = 2538924,6400.
2	Bảo Lâm		
	Thị trấn Pác Miầu	<p><b>1. Khu 2:</b> Các hộ hai bên đường từ ngã ba xuống chợ Nông sản và dọc theo quốc lộ 34 (bao gồm các hộ trong chợ Nông sản) đến Cổng chào cuối khu 2; Các hộ chăn nuôi dọc hai bên đường từ ngã ba Thế giới di động đến ngã ba lên Trường tiểu học.</p> <p><b>2. Khu 3:</b> Toàn bộ hộ chăn nuôi của khu vực (trừ khu vực đằng sau trụ sở Công An huyện, trụ sở khu vực Chi cục Thuế huyện (trụ sở mới), Ban chỉ huy Quân sự huyện, Trung tâm Viễn thông Bảo Lâm)</p> <p><b>3. Khu 4:</b> Toàn bộ hộ chăn nuôi của khu vực (trừ khu vực bên sông Pác Pang).</p>	<p><b>1. Khu 2:</b> gồm 19 điểm: (1) X= 473325 - Y = 2525967 ; (2) X= 473535 - Y= 2525956 (3) X=473502 - Y= 2525711 (4) X= 473606 - Y= 2525417 (5) X= 473796 - Y =2525495; (6) X=473842 - Y = 2525415; (7) X= 473726 - Y=2525356; (8) X= 473723 - Y=2525277; (9) X= 473687 - Y= 2525329 ;(10) X= 473410 - Y= 2525500; (11) X= 473303 - Y=2525387; (12) X=473157 - Y= 2525481; (13) X= 472986 -Y= 2525446; (14) X=472969 - Y= 2525503; (15) X= 473185 - Y = 2525635; (16) X= 473315 - Y= 2525531; (17) X= 473389 - Y = 2525579; (18) X= 473397 - Y =2525814; (19) X= 473316 - Y = 2525835.</p> <p><b>2. Khu 3:</b> Gồm 7 điểm; (1) X= 473836 - Y= 2526199; (2) X= 473845 - Y= 2526121; (3) X= 473751- Y= 2526007; (4) X= 473535 - Y= 2525956; (5) X=473325 - Y=2525967; (6) X= 473369 - Y= 2525250 ; (7) X= 473592 - Y=2526238 ;</p> <p><b>3. Khu 4:</b> Gồm 8 điểm: (1) X= 473427 - Y=2527284; (2) X= 473604 - Y= 2527291; (3) X= 473580 - Y= 2526554; (4) X= 473734 - Y= 2526630; (5)X= 4737711 - Y = 2526363 ; (6) X= 473648 - Y= 2526360 ; (7) X= 473592 - Y= 2526238 ; (8) X= 473364 - Y = 2526242 ;</p>
3	Hoà An Thị trấn	1. Phố Giữa	1. Phố Giữa: gồm có 6 điểm

STT	Huyện	Khu vực không được phép chăn nuôi	Vị trí toạ độ
	Nước Hai	<p>Toàn bộ các hộ gia đình của khu Phố Giữa</p> <p><b>2. Phố A.</b> Toàn bộ các hộ gia đình ở khu vực Phố A</p> <p><b>3. Phố Dạ Hương.</b> Các hộ gia đình hai bên đường dọc theo đường Hồ Chí Minh từ đầu cầu treo Bình Long đến tiếp giáp xóm Khau Gạm</p> <p><b>4. Phố Hoàng Bó.</b> Toàn bộ các hộ gia đình ở khu phố Hoàng Bó</p>	<p>(1) X=540659.27 - Y=2515649.96; (2) X=540746.36 - Y=2515736.85; (3) X=540843.84 - Y=2515810.37; (4) X=541261.38 - Y=2515432.72; (5) X=541211.45 - Y=2515358.15; (6) X=541111.94 - Y=2515185.63.</p> <p><b>2. Phố A:</b> gồm có 4 điểm (1) X=540843.84 - Y=2515810.37; (2) X=540984.35 - Y=2515893.73; (3) X=541353.94 - Y=2515570.94; (4) X=541261.38 - Y=2515432.72.</p> <p><b>3. Phố Dạ Hương:</b> gồm có 4 điểm (1) X=540242.39 - Y=2516315.18; (2) X=540336.67 - Y=2516402.72; (3) X=540746.36 - Y=2515736.85; (4) X=540659.27 - Y=2515649.96.</p> <p><b>4. Phố Hoàng Bó:</b> gồm có 4 điểm: (1) X=541211.45 - Y=2515358.15; (2) X=541764.00 - Y=2514983.66; (3) X=541662.00 - Y=2514802.68; (4) X=541111.9 - Y=2515185.63.</p>
4	Hạ Lang		
	Thị trấn Thanh Nhật	<b>Phố Hạ Lang.</b>	Gồm Có 9 điểm: (1) X = 594070 - Y = 251056; (2) X = 594430 - Y = 2510126; (3) = 594480 - Y = 2510081; (4) X = 594476 - Y = 2510068; (5) X = 594446 - Y = 2510066; (6) X = 594435 - Y = 2509987; (7) X = 59368 - Y = 2509954; (8) X = 594297 - Y = 259957; (9) X = 594066 - Y = 2510024
5	Hà Quảng		
	Thị trấn Xuân Hoà	<p><b>1. Tổ Xuân Lộc</b></p> <p><b>2. Tổ Xuân Đại.</b></p>	<p><b>1. Tổ Xuân Lộc:</b> gồm có 9 điểm (1) X= 2533563 - Y= 533134; (2) X= 2533461 - Y= 533070; (3) X= 2533724 - Y= 533131; (4) X= 2533724 - Y= 533222; (5) X=2533893 - Y=533466; (6) X= 2533515 - Y= 533462 ; (7) X= 2533107 - Y=533273; (8) X= 2532916 - Y = 533078; (9) X = 2533029 - Y = 533055.</p> <p><b>2. Tổ Xuân Đại:</b> gồm có 10 điểm (1) X= 2533971 - Y = 532220; (2) X= 2522880 - Y= 532122 (3) X=2533808 - Y= 532143; (4) X= 2522615 - Y= 532192; (5) X= 2533441 - Y =532518; (6) X=2533182 - Y = 532571; (7) X= 2532809 -</p>

STT	Huyện	Khu vực không được phép chăn nuôi	Vị trí toạ độ
			Y=532296; (8) X= 2532408 - Y= 532120; (9) X=2532044 - Y= 532452; (10) X= 2533563 - Y= 533134.
6	Nguyên Bình		
	Thị trấn Nguyên Bình	Tổ dân phố 2; Tổ dân phố 3.	Gồm có 8 điểm : (1) X= 521183.90 - Y = 2505554.50; (2) X=521269.43 - Y= 2505591.96; (3) X= 521222.77 - Y= 2505645.39; (4) X= 521178.23 - Y= 2505549.85 (5) X= 521339.72 - Y = 2505648.07 (6) X= 521265.89 - Y= 2505536.74; (7) X= 521305.14 - Y= 2505620.64; (8) X= 521554.28 - Y= 2505530.36
	Thị trấn Tinh Túc	Tổ dân phố 2.	Gồm có 2 điểm: (1) X= 513757.64 - Y= 2505956.83; (2) X= 513820.62 - Y= 2505848.98
7	Thạch An		
	Thị Trấn Đông Khê	<p>1. <b>Tổ dân phố 1:</b> Toàn bộ khu dân cư tổ dân phố 1 (trừ khu Pồ Súa; khu Phố Mới từ nhà ông Vũ Tuấn Nghĩa trở xuống và các hộ riêng lẻ sau Ban chỉ huy Quân sự huyện cũ).</p> <p>2. <b>Tổ dân phố 2:</b> Toàn bộ khu dân cư tổ dân phố 2.</p> <p>3. <b>Tổ dân phố 3:</b> Toàn bộ khu dân cư tổ dân phố 3 (trừ khu vực bên cầu Nà Ma và các hộ ở riêng lẻ khu vực nhà ông Hùng Phương)</p> <p>4. <b>Xóm Đồng Lặng:</b> Khu dân cư dọc 02 bên tuyến đường Chợ Đông Khê từ ngã ba Phai Pin đến ngã ba Cầu Phai Sặt.</p> <p>5. <b>Xóm Slằng Péc:</b> Khu dân cư dọc 02 bên tuyến đường từ Cửa hàng nội thất Đăng Niêm đến Khu tập thể giáo viên Trường PTTH Thạch An.</p>	<p>Gồm các toạ độ sau:</p> <p>X=570277.4400 - Y=2480801.2800; X=570169.8900 - Y=2481010.7500;</p> <p>X=570161.9800 - Y=2481060.9500; X=570100.0900 - Y=2481154.8600;</p> <p>X=569999.1600 - Y=2481061,1900; X=569941.6900 - Y=2481080.3500;</p> <p>X=569873.3300 - Y=2481150.2800; X=569682.8092 - Y=2481474.9571;</p> <p>X=569800.8500 - Y=2481574.0700; X=569856.2700 - Y=2481604.2600;</p> <p>X=5698811.3400 - Y=2481666.9100; X=569542.6822 - Y=2482338.2558;</p> <p>X=569546.1500 - Y=2482402.2482; X=569845.7500 - Y=2481690.580;</p> <p>X=570044.2700 - Y=2481853.9200; X=570407.1900 - Y=2481667,7600</p> <p>X=570284.3762 - Y=2481634.3002; X=570471.3713 - Y=2481629.9415</p> <p>X=570342.9276, Y=2480854.5297.</p>

STT	Huyện	Khu vực không được phép chăn nuôi	Vị trí tọa độ
		<b>6. Xóm Nà Báng, xóm Chang Khuyên:</b> Từ Trường PTCS Nội trú, Trường Tiểu học Đông Khê đến ngã ba Nhà nghỉ Thiên Việt và khu dân cư dọc 02 bên tuyến đường Quốc lộ 34b đến đường rẽ lên trụ sở Công an huyện.	
8	Trùng Khánh		
	Thị trấn Trùng Khánh	<p><b>1. Tổ dân phố 2:</b> Từ sân vận động huyện Trùng Khánh đến khu vực giáp chợ Trùng Khánh .</p> <p><b>2. Tổ dân phố 4.</b></p> <p><b>3. Tổ dân phố 5:</b> Các hộ chăn nuôi của khu vực giáp chợ Trùng Khánh</p> <p><b>4. Tổ dân phố 6:</b> Các hộ hai bên đường đoạn từ bệnh viện đa khoa huyện Trùng Khánh đến đường tròn UBND huyện</p>	<p><b>1. Tổ dân phố 2:</b> gồm có 5 điểm (1) X= 578926,6 - Y= 2625750; (2) X= 578909,9 - Y= 2525759; (3) X=578984 - Y= 2525724; (4) X= 579256 - Y= 2526272;(5) X= 579180,9 - Y =2526309,1.</p> <p><b>2. Tổ dân phố 4: Gồm</b> có 4 điểm (từ điểm 01 đến điểm 04) (1) X= 579324 - Y= 2520253; (2) X= 579602 - Y= 2525853; (3) X=579488 - Y= 2526433; (4) X= 579691 - Y =2526232.</p> <p><b>3. Tổ dân phố 5:</b> gồm có 5 điểm từ điểm 01 đến điểm 05: (1) X= 579174 - Y= 2526369; (2) X= 579367 - Y= 2526500; (3) X=579564 - Y= 2526418; (4) X= 579268 - Y =2526525; (5) X= 579716 - Y =2526432.</p> <p><b>4. Tổ dân phố 6:</b> gồm có 3 điểm (từ điểm 01, đến điểm 03): (1) X= 579677 - Y= 2526745; (2) X= 579675 - Y= 2526661; (3) X=579712 - Y= 2526565</p>
	Thị trấn Trà Lĩnh	<b>1. Tổ dân phố 1:</b> (khu vực chợ Trà Lĩnh). Các hộ dọc theo đường từ ngã ba rẽ vào Chợ (phía Nam Cổng UBND huyện cũ) dọc theo đường Quốc lộ đến ngã ba rẽ lên đường Tảng Rẻng (đường nội vùng) đến ngã tư đường vào Cổng Trời, đến đường tròn rẽ lên Cửa Khẩu dọc theo đường QL 34 đến Bưu điện Trà Lĩnh:	<b>1. Tổ dân phố 1:</b> gồm có 7 điểm (Từ điểm 01 đến điểm 07): (1) X=558661 - Y=2525492; (2) X=558385 - Y=2525488; (3) X=558383 - Y= 2525496; (4) X=558512 - Y =2525759; (5) X= 558786 - Y = 2525835; (6) X= 558713 - Y=2525620; (7) X=558671 - Y=2525512.

STT	Huyện	Khu vực không được phép chăn nuôi	Vị trí toạ độ
		<p><b>2. Tổ dân phố 2:</b> Khu vực Tổ dân phố 2 từ đường tròn rẽ lên Cửa Khẩu đến nhà ông Ngô Văn Minh và nhà hàng Mậu Thân giáp tổ dân phố 3:</p> <p><b>3. Tổ dân phố 3:</b> (Khu vực sân bóng rổ thị trấn Trà Lĩnh). Các hộ dọc hai bên đường từ nhà ông Hoàng Văn Thắng đến nhà nghỉ Ngọc Long:</p> <p><b>4. Xóm Nà Khoang:</b> - Khu vực Trường Tiểu học Hùng Quốc</p> <p>- Trường THCS Hùng Quốc, Trường THPT Trà Lĩnh</p> <p><b>5. Xóm Nam Tuấn:</b> - Khu Lối mở Nà Đoòng, khu Tái định cư,</p> <p>Khu Trường Tiểu học Nam Tuấn, thị trấn Trà Lĩnh: Các hộ dọc hai bên đường từ đầu cầu phía Bắc Bản Lang đến nhà ông Đặng Văn Giáo, xóm Nam Tuấn.</p> <p><b>6. Xóm Bản Hía:</b> Khu vực tái định cư xóm Bản Hía</p>	<p><b>2. Tổ dân phố 2:</b> gồm có 3 điểm: (1) X=558792 - Y=2525829; (2) X=558688 - Y=2525368; (3) X=558745 - Y=2525358.</p> <p><b>3. Tổ dân phố 3:</b> gồm có 2 điểm: (1) X=558688 - Y=2525368; (2) X=558765 - Y= 2525119.</p> <p><b>4. Xóm Nà Khoang:</b> - Gồm có 4 điểm: (1) X=559206 - Y=2525632; (2) X=559360 - Y=2525646; (3) X=559323 - Y= 2525771; (4) X=559234 - Y =2525716. - có 10 điểm (Từ điểm 05 đến điểm 14) (5) X=559121 - Y=2525614; (6) X=559182 - Y=2525619; (7)X=559282 - Y= 2525531; (8) X=559323 - Y =2525477; (9) X=559331 - Y=2525421; (10) X=559215 - Y =2525367; (11) X=559062 - Y=2525403; (12) X=559033 - Y=2525457; (13) X=559070 - Y=2525522; (14) X=559116 - Y=2525593.</p> <p><b>5. Tại xóm Nam Tuấn:</b> - Gồm có 4 điểm: (1) X=558467 - Y=2529258; (2) X=558071 - Y=2529717; (3) X=558197 - Y= 2529631; (4) X=558314 - Y =2529598. - Gồm Có 2 điểm: (5) X=558448 - Y=2528587; (6) X=558560 - Y=2528866.</p> <p><b>6. Xóm Bản Hía:</b> gồm có 3 điểm: (1) X=558696 - Y=2529895; (2) X=558640 - Y=2530073; (3) X=558692 - Y= 2530043</p>
9	<p><b>Thành phố Cao Bằng</b></p> <p><b>Phường Hợp</b></p>	<p><b>Toàn bộ phường Hợp Giang gồm 12 tổ dân phố</b></p>	

STT	Huyện	Khu vực không được phép chăn nuôi	Vị trí tọa độ
	Giang		
	Phường Sông Hiến	<i>Toàn bộ khu dân cư tổ 11</i>	Gồm có 19 điểm: (1) X=551123.27 - Y=2507488.22; (2) X= 5511452.76 - Y= 2507536.25; (3) X=551433.11 - Y= 2507586.43; (4) X= 551488.62 - Y= 2507634.81; (5) X=551548.05 - Y= 2507641.34; (6) X= 551571.87 - Y =2507673.56; (7) X= 551416.69 - Y= 2507876.74; (8) X= 551391.64 - Y= 2508030.18; (9) X= 551316.02 - Y= 2508018.72 ;(10) X= 551277.30- Y= 2507973.39; (11) X=551296.48 - Y= 2507943.83; (12) X= 551280.00- Y= 2507925.95; (13) X= 551290.06 - Y= 2507908.25; (14) X= 551274.51 - Y= 2507854.56; (15) X= 551265.86- Y=2507753.99; (16) X= 551314.71 - Y= 2507712.68; (17) X=551338.68 - Y= 2507602.89; (18) X= 551239.55 - Y=2507532.270; (19) X= 551101.58 -Y= 2507527.08
		<i>Tổ 9</i> : Toàn bộ khu tái định cư đường phía Nam, khu đô thị mới thành phố Cao Bằng	Gồm có 12 điểm: (1) X=550814.10 - Y=2507602.20; (2) X= 550835.30- Y=2507664.00; (3) X= 550967.00- Y=2507756.50; (4) X= 551079.80- Y= 2507930.80; (5) X=551104.80 - Y= 2508010.60; (6) X= 551132.80 - Y=2508047.70; (7) X= 551176.00 - Y= 2580022.20; (8) X=551227.30- Y= 2507984.90; (9) X= 551221.4 - Y=2507759.80; (10) X= 551284.90 - Y= 2507752.50; (11) X=551394.60 - Y= 2507680.80; (12) X= 551316.00 - Y=2507551.40
	Phường Duyệt Trung	<i>Tổ 1</i> : Toàn bộ khu tái định cư 2	Gồm có 4 điểm: (1) X= 554992.60- Y= 2503946.10, (2) X= 554886.75- Y=2503785.09; (3) X= 555067.03- Y=2503738.92;(4) X= 555112.36 - Y= 2503812.48
		<i>Tổ 2</i> : Toàn bộ khu tập thể xi măng	Gồm có 4 điểm : (1) X= 554199.69 - Y=2505089.97; (2) X=554087.09 - Y= 2505084.01; (3) X=554135.47- Y= 2505023.94; (4)X= 554173.58 - Y= 2505054.64
	Phường Ngọc Xuân	<i>Tổ dân phố 3</i> : Khu tái định cư	Gồm có 4 điểm: (1) X= 551433.46 - (2) Y=2509029.12, X= 55152452 - Y= 25090098.96; (3)X=551650.77 - Y= 2509030.58; (4) X=551448.02 - Y= 2508932.82

STT	Huyện	Khu vực không được phép chăn nuôi	Vị trí toạ độ
		<i>Toàn bộ khu dân cư tổ 10</i>	Gồm có 7 điểm: (1) X= 552157.92 - Y= 2508185.87; (2) X= 552150.32, - Y=2508223.59; (3) X= 552164.36 - Y=2508254.4; (4) X= 552204.1, - Y= 25082255.4; (5) X= 552246.15 - Y= 2508248.11; (6) X= 552287.08 - Y= 508198.98; (7) X= 552243.88 - Y= 2508128.44.
	Phường Đề Thám	<i>Tổ 1:</i> Khu tái định cư III	Gồm có 4 điểm: (1) X=548814 - Y=2508931; (2) X=548946 - Y=2508841; (3) X=548859 - Y=2508716; (4)X=548731 - Y=2508801
		<i>Tổ 2:</i> Khu tái định cư mới	Gồm có 8 điểm: (1) X=548647 - Y=2508806; (2)X=548895 -Y=2508647; (3)X=548730 - Y=2508416; (4)X=548761 - Y=2508165; (5) X=548569 - Y=2508183; (6)X= 548411 - Y=2508240; (7) X= 548683 - Y=2508658; (8)X=548594- Y=2508714
		<i>Tổ 6;</i> Khu tái định cư tổ 6;	Gồm có 8 điểm: (1) X=548471 - Y=2509859; (2) X=548621 - Y= 2509779; (3)X=548609 - Y= 2509756; (4)X=548553 - Y=2509788; (5) X=548477 - Y=2509677; (6)X=548416 - Y=2509704; (7) X=548433- Y=2509750; (8)X=548433 - Y=2509798
	Phường Tân Giang	<i>Toàn bộ khu dân cư tổ 4</i>	Gồm có 4 điểm: (1) X= 5552229 - Y= 2506838; (2) X= 552328 - Y= 2506686; (3) X= 552479 - Y= 2506536; (4) X=552613 - Y= 2506391
10	Quảng Hoà		
	Thị trấn Tà Lùng	- <i>Tổ dân phố Hưng Long</i> gồm: Toàn bộ hộ chăn nuôi của khu dân cư cạnh trường tiểu học học, trường trung học cơ sở Tà Lùng  Khu dân cư theo trục đường từ cổng Tổ dân phố Hưng Long đến ngã ba tiếp giáp đường quốc lộ 3 Tổ dân phố Tân Thịnh; Khu dân cư trong tái định cư.	- Gồm có 4 điểm; (01) X= 584275 - Y=2488588; (02) X= 584372 - Y=2488687; (03)X=584571 - Y=2488543; (04) X= 584490 - Y=2488414;  - Gồm có 8 điểm: (01) X=584269- Y=2488063; (02) X= 584480 - Y=2488230; (03) X= 584583 - Y=2488218; (04) X= 584684 - Y= 24882724; (05) X= 584883 - Y= 2488050; (06) X= 584485 - Y=2487847; (07) X= 584951- Y= 2486946; (08) X= 584907 - Y=2486809
		- <i>Tổ dân phố Tân Thịnh:</i> Toàn bộ hộ chăn nuôi của khu vực dân cư hai bên	Gồm có 18 điểm (01) X= 584889 - Y= 2487427; (02) X= 584964 - Y= 2487462; (03) X=



STT	Huyện	Khu vực không được phép chăn nuôi	Vị trí toạ độ
		trục đường từ ngã ba rẽ vào khu tái định cư 1 đến trạm Barie; Khu dân cư trong tái định cư	585168 - Y= 2487454; <b>(04)</b> X= 585108 - Y= 2486756; <b>(05)</b> X= 585176 - Y=2486621 ; <b>(06)</b> X= 585030 - Y= 2486550; <b>(07)</b> X= 584907 - Y= 2486809; <b>(08)</b> X=584977 - Y= 2486837; <b>(09)</b> X= 584930 - Y= 2486936; <b>(10)</b> X= 584981- Y=2486953; <b>(11)</b> X= 585009 - Y= 2487254; <b>(12)</b> X= 584880 - Y= 2487215; <b>(13)</b> X= 584867 - Y= 2487249; <b>(14)</b> = 584963 - Y= 2487290; <b>(15)</b> X= 584896 - Y=2487414; <b>(16)</b> X= 584797 - Y= 2487364; <b>(17)</b> X= 584670 - Y= 2487611; <b>(18)</b> X=584779 - Y= 2487662
	<b>Thị trấn Hòa Thuận</b>	- <b>Tổ dân phố 6</b> , gồm: Khu dân cư xung quanh Trung tâm Y tế Phục Hòa. Khu dân cư dãy bên trái đình chợ theo hướng Quốc lộ 3 cũ đi vào đến trạm phát thanh-truyền hình Phục Hòa.	Gồm có 5 điểm: <b>(01)</b> X = 249262 - Y = 578534; <b>(02)</b> X = 2492595 - Y = 578561; <b>(03)</b> X = 2492450 - Y= 578798; <b>(04)</b> X = 2492443 - Y = 578809; <b>(05)</b> X = 2492371 - Y = 578453.
		- <b>Tổ dân phố 6 và Tổ 7 (khu 2)</b> : Khu dân cư dãy bên phải Đình chợ theo hướng Quốc lộ 3 đi vào đến trường mầm non Phục Hòa.	Gồm có 5 điểm; <b>(01)</b> X = 2492686 - Y = 578301; <b>(02)</b> X = 2492660; Y = 578399; <b>(03)</b> X = 2492662; Y= 578390. <b>(04)</b> X = 2492436; Y = 578338; <b>(05)</b> X = 2492381; Y = 578363
	<b>Thị trấn Quảng Uyên</b>	Toàn bộ các hộ chăn nuôi tại các phố Hòa Trung, Hồng Thái Mới, Hòa Bình, Đông Thái (Khu dân cư hai bên trục đường đoạn từ Quảng Trường đến ngã ba Pác Cam), Hòa Nam (Khu dân cư hai bên đường từ ngã ba đường vào bệnh viện Đa khoa Quảng Hòa đến hết địa phận thị trấn Quảng uyên), Phố Cũ (Khu dân cư từ đoạn đình số 1 đến cầu đổ sang đến mỏ nước Pác Bó).	Gồm có 17 điểm ; <b>(01)</b> X= 570638.3500-Y= 2511112.5500 <b>(02)</b> X= 571072.0100-Y= 2511053.3600; <b>(03)</b> X= 571026.0100-Y= 2510152.3400; <b>(04)</b> X= 571959.0300-Y= 2509294.0600; <b>(05)</b> X= 571998.4500-Y= 2509221.7200; <b>(06)</b> X= 571936 0300-Y=2509188.8400; <b>(07)</b> X= 570989.8800-Y= 2510070.1200; <b>(08)</b> X=570828.9000-Y= 2509961.6100; <b>(09)</b> X= 570612.0700-Y= 2509879.4000; <b>(10)</b> X= 570572.6500-Y= 2509941.8700; <b>(11)</b> X=570865.0400-Y=2510089.8500; <b>(12)</b> X= 570579.2200-Y=2510451.5800; <b>(13)</b> X= 570395.2500-Y= 2510543.6600; <b>(14)</b> X= 570447.8100-Y=2510810.0200; <b>(15)</b> X= 570704.0600 - Y=2510829.7500; <b>(16)</b> X=570727.0600 - Y=2511023.7600; <b>(17)</b> X= 570635.0700 - Y=2511050.0700

Số:839 /BCTĐ-STP

Cao Bằng, ngày 02 tháng 6 năm 2023

### **BÁO CÁO THẨM ĐỊNH**

**Dự thảo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định khu vực thuộc nội thành của thành phố, thị trấn, khu dân cư không được phép chăn nuôi và chính sách hỗ trợ khi di dời cơ sở chăn nuôi ra khỏi khu vực không được phép chăn nuôi trên địa bàn tỉnh Cao Bằng**

Sở Tư pháp nhận được Công văn số 1223/SNN-TT&CN ngày 23 tháng 5 năm 2023 của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Cao Bằng về việc thẩm định hồ sơ trình HĐND tỉnh “Nghị quyết quy định khu vực thuộc nội thành của thành phố, thị trấn, khu dân cư không được phép chăn nuôi; Chính sách hỗ trợ khi di dời cơ sở chăn nuôi ra khỏi khu vực không được phép chăn nuôi trên địa bàn tỉnh Cao Bằng”; sau khi nghiên cứu dự thảo Nghị quyết quy định khu vực thuộc nội thành của thành phố, thị trấn, khu dân cư không được phép chăn nuôi; Chính sách hỗ trợ khi di dời cơ sở chăn nuôi ra khỏi khu vực không được phép chăn nuôi trên địa bàn tỉnh Cao Bằng, Sở Tư pháp có ý kiến thẩm định như sau:

#### **I. CĂN CỨ THẨM ĐỊNH**

- Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;
- Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;
- Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;
- Luật Chăn nuôi ngày 19 tháng 11 năm 2018;
- Nghị định số 13/2020/NĐ-CP ngày 21 tháng 01 năm 2020 của Chính phủ hướng dẫn chi tiết Luật Chăn nuôi;
- Nghị định số 46/2022/ NĐ-CP ngày 13/7/2022 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 13/2020/NĐ-CP ngày 21 tháng 01 năm 2020 của Chính phủ hướng dẫn chi tiết Luật Chăn nuôi;
- Nghị định số 34/2016/NĐC-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật; Nghị định số 154/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 34/2016/NĐC-CP ngày

14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật;

- Thông tư số 23/2019/TT- BNNPTNT ngày 30 tháng 11 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hướng dẫn một số điều của Luật chăn nuôi về hoạt động chăn nuôi.

## II. NỘI DUNG THẨM ĐỊNH

### 1. Về sự cần thiết ban hành nghị quyết

#### a) Về cơ sở pháp lý

- Khoản 1, Điều 12 Luật Chăn nuôi năm 2018 quy định các hành vi bị nghiêm cấm trong chăn nuôi: “Chăn nuôi trong khu vực không được phép chăn nuôi của thành phố, thị xã, thị trấn, khu dân cư; trù nuôi động vật làm cảnh, nuôi động vật trong phòng thí nghiệm mà không gây ô nhiễm môi trường”.

- Điểm h, khoản 1, Điều 80 Luật Chăn nuôi năm 2018 quy định trách nhiệm của Ủy ban nhân dân tỉnh: “Trình Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quyết định khu vực thuộc nội thành của thành phố, thị xã, khu dân cư không được phép chăn nuôi, quyết định vùng nuôi chim yến và chính sách hỗ trợ khi di dời cơ sở chăn nuôi ra khỏi khu vực không được phép chăn nuôi”.

#### b) Về cơ sở thực tiễn

Chăn nuôi là một trong những hoạt động mang lại nguồn thu nhập chính trong sản xuất của người nông dân. Đóng vai trò quan trọng trong sản xuất nông nghiệp, tỷ trọng chăn nuôi trong nông nghiệp chiếm tỷ lệ 29-33%, sản phẩm chăn nuôi cơ bản đáp ứng nhu cầu tiêu dùng của tỉnh. Theo kết quả tổng điều tra nông nghiệp nông thôn năm 2020, toàn tỉnh có 11.912 hộ chăn nuôi ở khu vực thành thị. Theo kết quả rà soát của các huyện, thành phố thì toàn tỉnh có 631 hộ chăn nuôi trong khu vực nội thành của thành phố, thị trấn khu đông dân cư có khả năng gây ô nhiễm môi trường từ hoạt động chăn nuôi, đặc biệt là ô nhiễm về mùi, chất thải....Số lượng vật nuôi tại các khu vực này chiếm tỷ lệ thấp so với tổng đàn vật nuôi toàn tỉnh. Do đó, khi dừng hoạt động chăn nuôi cũng không ảnh hưởng lớn đến giá trị sản xuất của ngành chăn nuôi.

Để giải quyết tình trạng ô nhiễm môi trường và cải thiện môi trường sống cho người dân, góp phần cải tạo, chỉnh trang đô thị cho phù hợp với quá trình phát triển của tỉnh, tạo điều kiện cho các địa phương đẩy nhanh việc quy hoạch, thực hiện quy hoạch chăn nuôi tập trung, đồng thời tạo điều kiện cho các cơ sở phải di dời mạnh dạn đầu tư, đổi mới máy móc thiết bị, công nghệ, mở rộng quy mô sản xuất, giúp cho hoạt động sản xuất của cơ sở sản xuất chăn nuôi ổn định và phát triển bền vững, bảo vệ môi trường và chỉnh trang đô thị.

Căn cứ các quy định của pháp luật và tình hình thực tế nêu trên, việc Ủy ban nhân dân trình Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Nghị quyết quy định khu vực thuộc nội thành của thành phố, thị trấn, khu dân cư không được phép chăn nuôi và chính sách hỗ trợ hộ khi di dời cơ sở chăn nuôi ra khu vực không được phép chăn nuôi trên địa bàn tỉnh Cao Bằng là cần thiết để cụ thể hóa các quy định của Luật Chăn nuôi và các quy định pháp luật khác có liên quan, đồng thời tạo cơ sở định hướng lại việc quy hoạch phát triển chăn nuôi trên địa bàn quản lý của các cấp chính quyền địa phương.

## **2. Đối tượng, phạm vi điều chỉnh của dự thảo nghị quyết**

a) Về phạm vi điều chỉnh: Dự thảo Nghị quyết quy định khu vực thuộc nội thành của thành phố, thị trấn, khu dân cư không được phép chăn nuôi và chính sách hỗ trợ khi di dời cơ sở chăn nuôi ra khỏi khu vực không được phép chăn nuôi trên địa bàn tỉnh Cao Bằng.

b) Đối tượng áp dụng:

- Tổ chức, hộ gia đình, cá nhân có cơ sở chăn nuôi gia súc, gia cầm và các loại động vật khác nằm trong khu vực không được phép chăn nuôi trên địa bàn tỉnh.

- Tổ chức, cá nhân có liên quan đến hoạt động chăn nuôi gia súc, gia cầm và động vật khác trong chăn nuôi.

## **3. Sự phù hợp của nội dung dự thảo nghị quyết với đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước; tính hợp hiến, tính hợp pháp, tính thống nhất của dự thảo nghị quyết với hệ thống pháp luật**

a) Đối với dự thảo nghị quyết

- Tại tên dự thảo nghị quyết, đề nghị cơ quan soạn thảo chỉnh sửa như sau:

### **NGHỊ QUYẾT**

**Quy định khu vực thuộc nội thành của thành phố, thị trấn, khu dân cư không được phép chăn nuôi và chính sách hỗ trợ khi di dời cơ sở chăn nuôi ra khỏi khu vực không được phép chăn nuôi trên địa bàn tỉnh Cao Bằng**

- Tại điểm a khoản 2 Điều 2 dự thảo cần chuyển nội dung “quy định tại Điều 1 thực hiện việc ngừng hoạt động chăn nuôi hoặc tháo dỡ, di dời cơ sở chăn nuôi ra khỏi khu vực không được phép chăn nuôi trước ngày 01 tháng 01 năm 2025” về quy định tại khoản 1 Điều 3 của dự thảo. Đồng thời để phù hợp với bố cục của văn bản quy phạm pháp luật, dự thảo cần chuyển nội dung Điều 2 quy định trước Điều 1, cụ thể:

**“Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng**

### 1. Phạm vi điều chỉnh

a) Nghị quyết này quy định khu vực thuộc nội thành của thành phố, thị trấn, khu dân cư không được phép chăn nuôi và chính sách hỗ trợ khi di dời cơ sở chăn nuôi ra khỏi khu vực không được phép chăn nuôi trên địa bàn tỉnh Cao Bằng.

b) Nghị quyết này không áp dụng đối với trường hợp nuôi động vật làm cảnh, nuôi động vật trong phòng thí nghiệm mà không gây ô nhiễm môi trường.

### 2. Đối tượng áp dụng

a) Tổ chức, hộ gia đình, cá nhân có cơ sở chăn nuôi gia súc, gia cầm và các loại động vật khác nằm trong khu vực không được phép chăn nuôi trên địa bàn tỉnh.

b) Tổ chức, cá nhân có liên quan đến hoạt động chăn nuôi gia súc, gia cầm và động vật khác trong chăn nuôi.

### **Điều 2. Khu vực không được phép chăn nuôi**

Khu vực thuộc nội thành của thành phố, thị trấn, khu dân cư không được phép chăn nuôi (sau đây gọi chung là Khu vực không được phép chăn nuôi) gồm các khu vực quy định tại Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị quyết này.”

- Tại Điều 3

+ Tại khoản 1 Điều 3 dự thảo cần quy định như sau:

“1. Đối tượng được hỗ trợ: Tổ chức, hộ gia đình, cá nhân chăn nuôi quy định tại điểm a khoản 2 Điều 1 Nghị quyết này thực hiện việc ngừng hoạt động chăn nuôi hoặc tháo dỡ, di dời cơ sở chăn nuôi ra khỏi khu vực không được phép chăn nuôi trước ngày 01 tháng 01 năm 2025.”.

+ Tại gạch đầu dòng thứ 3 điểm b khoản 3 dự thảo quy định “Số nhân khẩu được hỗ trợ được tính tương đương số lao động/cơ cở theo **khoản a của điều này**” là chưa chính xác. Đề nghị dự thảo viện dẫn cho chính xác.

### **4. Ngôn ngữ, kỹ thuật soạn thảo văn bản**

Dự thảo nghị quyết cơ bản đã thực hiện theo quy định tại Nghị định số 34/2016/NĐ-CP, Nghị định số 154/2020/NĐ-CP. Bên cạnh đó, cần chỉnh sửa một số nội dung sau:

- Tại căn cứ pháp lý thứ 5 dự thảo cần viện dẫn chính xác thẩm quyền ban hành Thông tư là Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn. Đồng thời, dự thảo cần bố cục căn cứ pháp lý theo thứ tự văn bản có hiệu lực pháp lý cao hơn: Luật, Nghị định; Thông tư của Bộ trưởng.

- Dự thảo cần trình bày chính xác thứ tự kỳ họp của Hội đồng nhân dân tỉnh.

- Rà soát kỹ thuật trình bày văn bản đảm bảo hợp lý, khoa học.

b) Đối với Phụ lục

- Tại số thứ tự thứ 9 chưa quy định khu vực không được phép chăn nuôi tại phường Sông Bằng, đề nghị dự thảo rà soát bổ sung. Đồng thời, cần thống nhất cách thể hiện nội dung tại cột “khu vực không được phép chăn nuôi” và cột “vị trí toạ độ”.

- Dự thảo chỉ quy định 01 phụ lục, do đó để phù hợp với quy định tại mẫu số 44 Phụ lục I kèm theo Nghị định số 154/2020/NĐ-CP đề nghị chỉnh sửa cách trình bày tên Phụ lục như sau:

**“Phụ lục**

**DANH SÁCH KHU VỰC KHÔNG ĐƯỢC PHÉP CHĂN NUÔI  
TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH CAO BẰNG”**

**III. KẾT LUẬN**

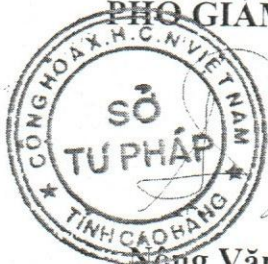
Đề nghị cơ quan soạn thảo nghiên cứu, xem xét chỉnh sửa ý kiến thẩm định của Sở Tư pháp tại Mục II nêu trên để dự thảo Nghị quyết quy định khu vực thuộc nội thành của thành phố, thị trấn, khu dân cư không được phép chăn nuôi; Chính sách hỗ trợ khi di dời cơ sở chăn nuôi ra khỏi khu vực không được phép chăn nuôi trên địa bàn tỉnh Cao Bằng đủ điều kiện để trình UBND tỉnh trước khi trình HĐND tỉnh thông qua.

Trên đây là ý kiến thẩm định của Sở Tư pháp tỉnh Cao Bằng./.

**Nơi nhận:**

- UBND tỉnh (b/c);
- Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;
- Giám đốc Sở Tư pháp (b/c);
- Lưu: VT, XDVB&PBGDPL.

**KT. GIÁM ĐỐC  
PHÓ GIÁM ĐỐC**



**Nguyễn Văn Dực**

Số: 1203 /BC-SNN

Cao Bằng, ngày 19 tháng 5 năm 2023

### BÁO CÁO TỔNG HỢP

**Ý kiến góp ý đối Dự thảo Nghị quyết “Quy định khu vực thuộc nội thành của thành phố, thị trấn, khu dân cư không được phép chăn nuôi và Chính sách hỗ trợ khi di dời cơ sở chăn nuôi ra khỏi khu vực không được phép chăn nuôi trên địa bàn tỉnh Cao Bằng”**

Để đảm bảo việc xây dựng Nghị quyết theo trình tự ban hành văn bản quy phạm pháp luật, Sở Nông nghiệp và PTNT đã ban hành Công văn số 887/SNN-TT&CN, ngày 13 tháng 4 năm 2023 về việc lấy ý kiến góp ý Dự thảo nghị quyết “Quy định khu vực thuộc nội thành của thành phố, thị trấn, khu dân cư không được phép chăn nuôi và Chính sách hỗ trợ khi di dời cơ sở chăn nuôi ra khỏi khu vực không được phép chăn nuôi trên địa bàn tỉnh Cao Bằng”. Sau khi hết thời gian quy định, Sở Nông nghiệp và PTNT đã nhận được ý kiến góp ý của 19 đơn vị. Trên cơ sở các ý kiến góp ý, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tổng hợp, giải trình, tiếp thu các ý kiến như sau:

TT	Cơ quan, đơn vị, cá nhân góp ý	Nội dung góp ý	Giải trình, tiếp thu ý kiến của cơ quan soạn thảo
I	<b>Các Sở, ban ngành tỉnh</b>		
1	Sở Tài nguyên và môi trường	Nhất trí với nội dung của dự thảo	
2	Mặt trận tổ quốc Việt Nam tỉnh Cao Bằng	Nhất trí với nội dung của dự thảo	
3	Sở xây dựng	Nhất trí với nội dung của dự thảo	
4	Sở Tài Chính	1. Nhất trí với nội dung của dự thảo 2. Ý kiến góp ý : . Tại điểm b, khoản 3, Điều 2 của dự thảo Nghị quyết quy định chính sách hỗ trợ cho các hộ/cơ sở khi ngừng hoạt động chăn nuôi mà không có nhu cầu đào tạo chuyển đổi nghề Dự thảo có nêu: “- Mức hỗ trợ: 30 kg gạo/nhân khẩu/tháng, trong thời gian 06 tháng (quy đổi thành tiền), theo giá thị trường tại thời điểm hỗ trợ, mức hỗ trợ không quá 10 triệu đồng/hộ (cơ sở).” Hiện nay trên thị trường có rất nhiều	- Tiếp thu, chỉnh sửa: Đơn vị đã thực hiện khảo sát giá gạo của 03 cửa hàng bán gạo lớn/thường xuyên tại các chợ trên địa bàn thành phố Cao Bằng, trên cơ sở giá các loại gạo tẻ, tính đơn giá bình quân định mức hỗ trợ.

TT	Cơ quan, đơn vị, cá nhân góp ý	Nội dung góp ý	Giải trình, tiếp thu ý kiến của cơ quan soạn thảo
		<p>loại gạo và giá cả khác nhau. Mặt khác từ thời điểm đề nghị hỗ trợ đến khi rà soát, niêm yết, ra quyết định hỗ trợ thì giá cả có thể thay đổi. Để thuận lợi trong quá trình triển khai thực hiện, đề nghị đơn vị soạn thảo xem xét ấn định mức tiền hỗ trợ tương ứng với giá của 30kg gạo trong thời điểm hiện tại.</p> <p>* Tại khoản 5, Điều 2 của dự thảo Nghị quyết quy định nguồn kinh phí thực hiện, để nội dung phù hợp hơn, đề nghị đơn vị soạn thảo sửa lại như sau: “5. Kinh phí thực hiện: nguồn ngân sách địa phương.”</p>	<p>- Tiếp thu, chỉnh sửa</p>
5	Sở Tư pháp	<p>1. Nhất trí với nội dung của dự thảo</p> <p>2. Ý kiến góp ý :</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Việc quy định khu vực thuộc nội thành của thành phố, thị trấn, khu dân cư không được phép chăn nuôi là phù hợp với thẩm quyền quy định của Luật Chăn nuôi năm 2018. Tuy nhiên, đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo cần làm rõ cơ sở pháp lý để xác định khu vực nào là khu vực không được phép chăn nuôi.</li> <li>- Đề nghị cơ quan soạn thảo lấy ý kiến của đối tượng chịu sự tác động trực tiếp của văn bản nhằm đánh giá sự tác động của dự thảo Nghị quyết đối với đời sống xã hội nói chung và đối tượng chịu tác động nói riêng và để bảo đảm tính khả thi khi Nghị quyết được ban hành.</li> <li>- Đề nghị cơ quan soạn thảo bổ sung 01 Điều quy định về “Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng” của nghị quyết.</li> <li>- Đề nghị dự thảo xem xét bỏ nội dung tại khoản 2 Điều 1 dự thảo,</li> <li>- Tại Điều 2: + Tại khoản 1 và điểm b khoản 2 dự thảo cần thay cụm từ “tại</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Đơn vị giải trình: Căn cứ khoản 1 Điều 12 Luật Chăn nuôi.</li> <li>- Dự thảo Nghị quyết đã lấy ý kiến các đơn vị liên quan, xin ý kiến thẩm định Ban Dân tộc HĐND, ý kiến các thành viên Ủy ban nhân dân Tỉnh vào tháng 11/2022. Trên cơ sở tiếp thu, đơn vị soạn thảo đã có công văn đề nghị UBND các huyện, thành phố rà soát, xác định tọa độ, trích lục bản đồ khu vực không được phép chăn nuôi, tổng hợp nhu cầu hỗ trợ đối với các hộ bị ảnh hưởng và đã có danh sách kèm theo Hồ sơ dự thảo lần 2 (gồm 206 hộ nằm trong khu vực không được phép chăn nuôi do các huyện, thành phố đề xuất, trong đó 8 hộ đăng ký đào tạo nghề, 11 hộ ngừng chăn nuôi hoàn toàn; 167 hộ hỗ trợ di dời, 20 hộ (đồng bào H</li> </ul>



TT	Cơ quan, đơn vị, cá nhân góp ý	Nội dung góp ý	Giải trình, tiếp thu ý kiến của cơ quan soạn thảo
		<p>các khu vực quy định tại Điều 1 của Nghị quyết” bằng cụm từ “tại các khu vực không được phép chăn nuôi”</p> <p>- Tên dự thảo Nghị quyết cần quy định: NGHỊ QUYẾT Quy định khu vực thuộc nội thành của thành phố, thị trấn, khu dân cư không được phép chăn nuôi và chính sách hỗ trợ di dời cơ sở chăn nuôi ra khỏi khu vực không được phép chăn nuôi trên địa bàn tỉnh Cao Bằng.</p> <p>- Bổ sung 01 Điều quy định về “Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng của Nghị Quyết”</p> <p>- Đề nghị xem xét bỏ nội dung tại khoản 2 Điều 1 Dự thảo.</p> <p>- Tại Khoản 1 và điểm b khoản 2 Điều 2: Dự thảo cần thay cụm từ “<i>tại các khu vực quy định tại Điều 1 của Nghị Quyết</i>” bằng cụm từ “<i>Tại các khu vực không được phép chăn nuôi</i>”.</p> <p>-Tại điểm a khoản 2 Điều 2: Dự thảo quy định “<i>Trường hợp...chỉ được hưởng theo mức hỗ trợ cao nhất</i>” là chưa rõ nghĩa. Đơn vị soạn thảo quy định cho phù hợp.”</p> <p>- Tại khoản 3 của dự thảo, đơn vị chưa lấy ý kiến của Sở Tài chính về nguồn lực thực hiện các chính sách ngừng/ và hỗ trợ di dời.</p> <p>- Đề nghị bỏ khoản 4: do không phù hợp với quy định của Luật Ban hành văn bản.</p> <p>- Tại Khoản 1 điều 3: Bỏ nội dung “trong quá trình thực hiện...kỳ họp gần nhất”. Bỏ nội dung này</p> <p>* Đối với phụ lục I: Đề nghị dự thảo rà soát chính xác, đầy đủ các khu vực không được phép chăn nuôi tại các Phường, thuộc thành phố Cao Bằng</p>	<p>mông- Bảo Lâm) không xác định được nhu cầu;</p> <p>- Tiếp thu, chỉnh sửa</p> <p>- Tiếp thu, chỉnh sửa</p> <p>- Tiếp thu, chỉnh sửa</p> <p>- Tiếp thu, chỉnh sửa</p> <p>- Tiếp thu, chỉnh sửa</p> <p>- Đơn vị đã lấy ý kiến và được Sở Tài chính nhất trí tại công văn số 1126/STC-QLNS ngày 15/5/2023.</p> <p>- Tiếp thu chỉnh sửa</p> <p>-Tiếp thu chỉnh sửa</p> <p>- Các khu vực không được phép chăn nuôi ban hành kèm theo Dự thảo Nghị quyết đã được cơ quan soạn thảo đề nghị UBND các huyện, thành phố thực hiện rà soát và đề xuất. Nội dung này đã được các huyện, thành phố thực hiện 4 lần. Đề xuất của các huyện cũng dựa trên tình hình thực tế của cơ</p>

TT	Cơ quan, đơn vị, cá nhân góp ý	Nội dung góp ý	Giải trình, tiếp thu ý kiến của cơ quan soạn thảo
		<p>- Về thể thức kỹ thuật trình bày văn bản: Đề nghị cơ quan soạn thảo thực hiện theo NĐ 34/2016/NĐ-CP; NĐ 154/NĐ- CP.</p> <p>- Bổ sung NĐ 46/2022/NĐ-CP; và thông tư 23/2019/ TT- BNNPTNT</p>	<p>sở. Do đó đến thời điểm hiện tại không có bổ sung.</p> <p>- Tiếp thu, chỉnh sửa</p> <p>Tiếp thu chỉnh sửa</p>
6	Hội nông dân tỉnh Cao Bằng	<p>1. Nhất trí với Dự thảo Nghị quyết.</p> <p>2. Ý kiến góp ý:</p> <p>* Đối với dự thảo Nghị Quyết</p> <p>Tại trang 1, xem xét bổ sung cụm từ “Ban hành” tại phần tiêu đề Nghị quyết.</p> <p>- Về bố cục Nghị quyết, sau phần QUYẾT NGHỊ đề nghị xem xét, chỉnh sửa như sau:</p> <p>Điều 1. Ban hành Quy định khu vực thuộc nội thành, ..... trong khu vực không được phép chăn nuôi trên địa bàn tỉnh Cao Bằng cụ thể như sau:</p> <p>1. Quy định khu vực không được phép chăn nuôi</p> <p>Khu vực thuộc nội thành của thành phố, thị trấn, khu dân cư không được phép chăn nuôi gia súc, gia cầm và động vật khác (trừ nuôi động vật với mục đích làm cảnh, nuôi động vật trong phòng thí nghiệm mà không gây ô nhiễm môi trường) gồm các khu vực quy định tại Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị quyết này.</p> <p>Đối với cơ sở chăn nuôi .... phải ngừng hoạt động chăn nuôi hoặc di dời đến địa điểm phù hợp xong trước ngày 01/01/2025.</p> <p>2. Chính sách hỗ trợ khi di dời cơ sở chăn nuôi ra khỏi khu vực không được phép chăn nuôi</p> <p>2.1. Đối tượng được hỗ trợ</p> <p>2.2. Nguyên tắc hỗ trợ</p> <p>2.3. Các chính sách hỗ trợ</p> <p>2. 4. Quy trình, thủ tục hỗ trợ cho chủ cơ sở chăn nuôi tự thực hiện tháo dỡ, di dời cơ sở chăn nuôi hoặc ngừng hoạt động chăn nuôi.</p> <p>2.5. Kinh phí thực hiện</p>	<p>- Tiếp thu, chỉnh sửa</p>

TT	Cơ quan, đơn vị, cá nhân góp ý	Nội dung góp ý	Giải trình, tiếp thu ý kiến của cơ quan soạn thảo
		<p>3. Tổ chức thực hiện</p> <p>Điều 2. Hội đồng nhân dân tỉnh giao cho UBND tỉnh chỉ đạo, tổ chức triển khai, hướng dẫn thực hiện Nghị quyết này và báo cáo kết quả thực hiện với Hội đồng nhân dân tỉnh theo Quy định.</p> <p>Điều 3. Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban Hội đồng nhân dân tỉnh, các Tổ đại biểu, các đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát thực hiện Nghị quyết này. Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Cao Bằng khoá XVII, kỳ họp thứ...thông qua ngày...tháng...năm 2023 và có hiệu lực từ ngày...tháng...năm 2023.</p> <p>* Đối với dự thảo Tờ trình:</p> <p>- Tại trang 2, dòng thứ 1 từ trên xuống, xem xét bỏ từ “cac”: ... đều diễn ra từ khu vực nông thôn, đến khu vực thành phố, thành thị</p>	<p>- Tiếp thu, chỉnh sửa</p>
7	Sở Khoa học và Công nghệ	<p>1. Nhất trí với nội dung của dự thảo;</p> <p>2. Ý kiến góp ý:</p> <p>“Đề nghị xem xét bổ sung thành “chính sách hỗ trợ khi <b>Ngừng hoạt động chăn nuôi, hoặc di dời cơ sở chăn nuôi...</b>”</p>	<p>- Về nội dung chính sách đã có trong Dự thảo, còn tên Nghị quyết giữ nguyên, vì đây là nội dung đã được quy định cụ thể trong điểm h Khoản 1 điều 80 Luật Chăn nuôi.</p>
8	Hội liên hiệp phụ nữ tỉnh	Nhất trí với nội dung của dự thảo	
9	Sở KHĐT	<p>1. Nhất trí với nội dung của dự thảo</p> <p>2. Ý kiến góp ý:</p> <p>Đề đảm bảo nội dung nghị quyết khi ban hành đi vào cuộc sống phù hợp với lòng dân. Sở Nông nghiệp và PTNT tỉnh Cao Bằng cần lấy ý kiến của nhân dân khu vực bị tác động của Nghị quyết</p>	<p>- Sở Nông nghiệp và PTNT đã có công văn đề nghị các huyện, thành phố rà soát, lấy ý kiến các hộ trong khu vực không được phép chăn nuôi và đã có danh sách tổng hợp nhu cầu các hộ bị ảnh hưởng gửi kèm hồ sơ góp ý.</p>
<b>II</b>	<b>Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố</b>		
1	Hòa An	Nhất trí với nội dung các dự thảo	
2	Hạ Lang	Nhất trí với nội dung các dự thảo	
3	Nguyên Bình	Nhất trí với nội dung các dự thảo	

TT	Cơ quan, đơn vị, cá nhân góp ý	Nội dung góp ý	Giải trình, tiếp thu ý kiến của cơ quan soạn thảo
4	Bảo Lạc	Nhất trí với nội dung các dự thảo	
5	Thành phố	Nhất trí với nội dung các dự thảo	
6	Hà Quảng	Nhất trí với nội dung các Dự thảo	
7	Bảo Lâm	1. Nhất trí với nội dung các Dự thảo 2. Ý kiến bổ sung, chỉnh sửa: Tiêu đề của Nghị quyết: đề nghị bổ sung thêm thành: Quy định “Khu vực thuộc nội thành của thành phố, thị trấn, khu dân cư không được phép chăn nuôi; Chính sách hỗ trợ <b>khí ngừng hoạt động chăn nuôi</b> , di dời cơ sở chăn nuôi ra khỏi khu vực không được phép chăn nuôi trên địa bàn tỉnh Cao Bằng”.	- Về nội dung chính sách đã có trong Dự thảo, còn tên Nghị quyết giữ nguyên. Vì đây là nội dung đã được quy định cụ thể trong điểm h-Khoản 1 điều 80- Luật Chăn nuôi.
8	Thạch An	Nhất trí với nội dung các dự thảo	
9	Trùng Khánh	Nhất trí với nội dung các dự thảo	
10	Quảng Hoà	Nhất trí với nội dung các dự thảo	

Trên đây là báo cáo tổng hợp ý kiến góp ý đối Dự thảo nghị quyết “Quy định khu vực thuộc nội thành của thành phố, thị trấn, khu dân cư không được phép chăn nuôi và Chính sách hỗ trợ khi di dời cơ sở chăn nuôi ra khỏi khu vực không được phép chăn nuôi trên địa bàn tỉnh Cao Bằng”./.

**Nơi nhận:**

- UBND tỉnh;
- Sở Tư pháp;
- Ban Giám đốc Sở;
- Lưu: VT, TT&CN.

**GIÁM ĐỐC**



**Nguyễn Thái Hà**

UBND TỈNH CAO BẰNG  
**SỞ TÀI CHÍNH**

Số: 1126 /STC-QLNS

V/v góp ý nguồn lực thực hiện Nghị quyết “Quy định khu vực thuộc nội thành của thành phố, thị trấn, khu dân cư không được phép chăn nuôi và Chính sách hỗ trợ khi di dời cơ sở chăn nuôi ra khỏi khu vực không được phép chăn nuôi trên địa bàn tỉnh Cao Bằng” (lần 3)

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
**Độc lập - Tự Do - Hạnh phúc**

Cao Bằng, ngày 15 tháng 5 năm 2023

Kính gửi: Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Cao Bằng

Thực hiện Công văn số 1143/SNN-TT&CN ngày 12 tháng 5 năm 2023 của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc xin ý kiến lần 3 về nguồn lực thực hiện Nghị quyết “Quy định khu vực thuộc nội thành của thành phố, thị trấn, khu dân cư không được phép chăn nuôi và Chính sách hỗ trợ khi di dời cơ sở chăn nuôi ra khỏi khu vực không được phép chăn nuôi trên địa bàn tỉnh Cao Bằng”.

Sau khi nghiên cứu, Sở Tài chính có một số ý kiến góp ý như sau:

**1. Đối với nguồn lực thực hiện nghị quyết**

Trên cơ sở rà soát lại số lượng, nhu cầu thụ hưởng chính sách của các đối tượng, Sở Nông nghiệp đã xây dựng khái toán thực hiện Nghị quyết là 1,467 tỷ đồng. Sở Tài chính nhất trí với nguồn lực do Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn xây dựng.

**2. Đối với Dự thảo Nghị quyết “Quy định khu vực thuộc nội thành của thành phố, thị trấn, khu dân cư không được phép chăn nuôi và Chính sách hỗ trợ khi di dời cơ sở chăn nuôi ra khỏi khu vực không được phép chăn nuôi trên địa bàn tỉnh Cao Bằng”**

Sở Tài chính đã góp ý tại Công văn số 840/STC-QLNS ngày 04/04/2023, trong đó có ý kiến như sau:

2.1. Tại điểm b, khoản 3, Điều 2 của dự thảo Nghị quyết quy định chính sách hỗ trợ cho các hộ/cơ sở khi ngừng hoạt động chăn nuôi mà không có nhu cầu đào tạo chuyển đổi nghề

Dự thảo có nêu:

“- Mức hỗ trợ: 30 kg gạo/nhân khẩu/tháng, trong thời gian 06 tháng (quy đổi thành tiền), theo giá thị trường tại thời điểm hỗ trợ, mức hỗ trợ không quá 10 triệu đồng/hộ (cơ sở).”

Hiện nay trên thị trường có rất nhiều loại gạo và giá cả khác nhau. Mặt khác từ thời điểm đề nghị hỗ trợ đến khi rà soát, niêm yết, ra quyết định hỗ trợ thì giá cả có thể thay đổi. Để thuận lợi trong quá trình triển khai thực hiện, đề nghị đơn vị soạn thảo xem xét ấn định mức tiền hỗ trợ tương ứng với giá của 30kg gạo trong thời điểm hiện tại.

2.2. Tại khoản 5, Điều 2 của dự thảo Nghị quyết quy định nguồn kinh phí thực hiện

Dự thảo có nêu:

*“5. Kinh phí thực hiện: Từ nguồn chi thường xuyên thuộc ngân sách tỉnh cấp.”*

Để nội dung phù hợp hơn, đề nghị đơn vị soạn thảo sửa lại như sau:

*“5. Kinh phí thực hiện: nguồn ngân sách địa phương.”*

Đề nghị Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn xem xét chỉnh sửa các nội dung nêu trên.

Trên đây là ý kiến của Sở Tài chính gửi Sở Nông nghiệp và phát triển nông thôn tổng hợp./.

**Nơi nhận:**

- Như kính gửi;
- Lãnh đạo Sở;
- Lưu VT, QLNS(DL).

**GIÁM ĐỐC**



**Hoàng Tố Quyên**

Số: 1342 /BC-SNN

Cao Bằng, ngày 02 tháng 6 năm 2023

### **BÁO CÁO GIẢI TRÌNH TIẾP THU Ý KIẾN THẨM ĐỊNH**

**Về dự thảo Nghị quyết “Quy định khu vực thuộc nội thành của thành phố, thị trấn, khu dân cư không được phép chăn nuôi và Chính sách hỗ trợ khi di dời cơ sở chăn nuôi ra khỏi khu vực không được phép chăn nuôi trên địa bàn tỉnh Cao Bằng”**

Để đảm bảo việc xây dựng Nghị quyết theo trình tự ban hành văn bản quy phạm pháp luật, Sở Nông nghiệp và PTNT đã gửi hồ sơ đề nghị Sở Tư pháp thẩm định Dự thảo “Nghị quyết Quy định khu vực thuộc nội thành của thành phố, thị trấn, khu dân cư không được phép chăn nuôi và chính sách hỗ trợ khi di dời cơ sở chăn nuôi ra khỏi khu vực không được phép chăn nuôi trên địa bàn tỉnh Cao Bằng” và các văn bản liên quan.

Trên cơ sở các ý kiến tại báo cáo thẩm định số 839/BCTĐ-STP, ngày 02/6/2023 của Sở Tư pháp, Sở Nông nghiệp và PTNT xin tiếp thu ý, giải trình kiến thẩm định như sau:

TT	Ý kiến của Sở Tư pháp	Giải trình, tiếp thu ý kiến của cơ quan soạn thảo
<b>1</b>	<b>Sự phù hợp của nội dung dự thảo nghị quyết với đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước; tính hợp hiến, tính hợp pháp, tính thống nhất của dự thảo nghị quyết với hệ thống pháp luật</b>	
1.1	Đối với Dự thảo nghị quyết	
	- Đề nghị cơ quan soạn thảo chỉ sửa tên của Nghị quyết “ <i>Quy định khu vực thuộc nội thành của thành phố, thị trấn, khu dân cư không được phép chăn nuôi và chính sách hỗ trợ khi di dời cơ sở chăn nuôi ra khỏi khu vực không được phép chăn nuôi trên địa bàn tỉnh Cao Bằng</i> ”	- Đã tiếp thu, chỉnh sửa
1.2	Tại điểm a khoản 2 Điều 2 dự thảo cần chuyển nội dung “ quy định tại Điều 1 thực hiện việc ngừng hoạt động chăn nuôi hoặc tháo dỡ, di dời cơ sở chăn nuôi ra khỏi khu vực không được phép chăn nuôi trước ngày 01 tháng 01 năm	- Đã tiếp thu, chỉnh sửa bố cục theo ý kiến

	<p>2025” về quy định tại khoản 1 Điều 3 của dự thảo. Đồng thời để phù hợp với bố cục của văn bản quy phạm pháp luật, dự thảo cần chuyên nội dung Điều 2 quy định trước Điều 1, cụ thể:</p> <p><b>Điều 1: Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng:...</b></p> <p><b>Điều 2: Khu vực không được phép chăn nuôi</b></p>	
1.3	<p>Tại Điều 3:</p> <p>+ Tại khoản 1 Điều 3: Dự thảo cần quy định như sau: “1. Đối tượng được hỗ trợ: Tổ chức, hộ gia đình, cá nhân chăn nuôi quy định tại điểm a khoản 2 Điều 1 Nghị quyết này thực hiện việc ngừng hoạt động chăn nuôi hoặc tháo dỡ, di dời cơ sở chăn nuôi ra khỏi khu vực không được phép chăn nuôi trước ngày 01 tháng 01 năm 2025.”</p> <p>+ Tại gạch đầu dòng thứ 3 điểm b khoản 3 dự thảo quy định “Số nhân khẩu được hỗ trợ được tính tương đương số lao động/cơ sở theo <b>khoản a của điều này</b>” là chưa chính xác. Đề nghị dự thảo viện dẫn cho chính xác</p>	<p>- Đã tiếp thu, chỉnh sửa</p> <p>- Đã chỉnh sửa để phù hợp với quy mô chăn nuôi.</p>
2	<p><b>Ngôn ngữ, kỹ thuật soạn thảo văn bản:</b> Tại căn cứ pháp lý thứ 5 dự thảo cần viện dẫn chính xác thẩm quyền ban hành Thông tư là Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn. Đồng thời, dự thảo cần bố cục căn cứ pháp lý theo thứ tự văn bản có hiệu lực pháp lý cao hơn: Luật, Nghị định; Thông tư của Bộ trưởng...</p>	<p>- Đã chỉnh sửa, bổ sung theo hướng dẫn</p>
3.	<p><b>Đối với phụ lục</b></p>	
	<p>- Tại số thứ tự thứ 9 chưa quy định khu vực không được phép chăn nuôi tại phường Sông Bằng, đề nghị dự thảo rà soát bổ sung.</p>	<p>- Các khu vực không được phép chăn nuôi ban hành kèm theo Dự thảo Nghị quyết do UBND các huyện, thành phố đề xuất. Nội dung này đã được các huyện, thành phố thực hiện rà soát, lấy ý kiến 5 lần. Đối với thành phố Cao</p>



	<p>- Cần thống nhất cách thể hiện nội dung tại cột “khu vực không được phép chăn nuôi” và cột “vị trí tọa độ”</p>	<p>Bảng, ngày 09/2/2023, Sở Nông nghiệp và PTNT đã có công văn số 240/SNN-TT&amp;CN, đề nghị UBND thành phố ngoài các khu vực đã yêu cầu (theo mục 9 của phụ lục) đề nghị tiếp tục bổ sung các khu vực khác. Tuy nhiên, đến hết thời gian xin ý kiến theo quy định, UBND thành phố đã nhất trí với Dự thảo Nghị quyết và không có bổ sung thêm phường, xã hay khu dân cư.</p> <p>- Đã chỉnh sửa, bổ sung.</p>
	<p>Dự thảo chỉ quy định 01 phụ lục, do đó để phù hợp với quy định tại mẫu số 44 Phụ lục I kèm theo Nghị định số 154/2020/NĐ-CP đề nghị chỉnh sửa cách trình bày tên Phụ lục</p>	<p>- Đã tiếp thu chỉnh sửa</p>

Trên đây là báo cáo tiếp thu, giải trình báo cáo thẩm định của Sở Tư pháp đối với Dự thảo nghị quyết “Quy định khu vực thuộc nội thành của thành phố, thị trấn, khu dân cư không được phép chăn nuôi và chính sách hỗ trợ khi di dời cơ sở chăn nuôi ra khỏi khu vực không được phép chăn nuôi trên địa bàn tỉnh Cao Bằng” của Sở Nông nghiệp và PTNT./.

**Nơi nhận:**

- UBND tỉnh;
- Sở Tư pháp;
- Ban Giám đốc Sở;
- Lưu: VT, TT&CN.

**GIÁM ĐỐC**



**Nguyễn Thái Hà**

Số: 873 /BC-SNN

Cao Bằng, ngày 12 tháng 4 năm 2023

## BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG

Việc ban hành Nghị quyết quy định “Quy định khu vực thuộc nội thành của thành phố, thị trấn, khu dân cư không được phép chăn nuôi; Chính sách hỗ trợ khi di dời cơ sở chăn nuôi ra khỏi khu vực không được phép chăn nuôi trên địa bàn tỉnh Cao Bằng”

### I. TÌNH HÌNH SẢN XUẤT CHĂN NUÔI TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH CAO BẰNG.

#### 1. Tình hình sản xuất chăn nuôi

- Cao Bằng là một tỉnh miền núi có địa hình chia cắt mạnh, gồm các dãy núi đã vỡ xem kẽ giữa các thung lũng. Chăn nuôi từ lâu cũng đã là ngành sản xuất nông nghiệp chính đem lại giá trị kinh tế cho người nông dân của Tỉnh Cao Bằng. Hầu hết các hộ dân trên địa bàn tỉnh đều có nuôi từ một đến vài loại vật nuôi, phổ biến nhất là trâu, bò, lợn, gà, vịt... Tập quán sản xuất vẫn mang tính truyền thống quy mô nhỏ lẻ, dàn trải nên hiệu quả chưa cao, kiến thức khoa học kỹ thuật của người chăn nuôi còn hạn chế, công nghệ kỹ thuật chăn nuôi tiên tiến được áp dụng nhiều trong sản xuất; năng suất, giá trị gia tăng chưa cao. Tỷ trọng chăn nuôi trong nông nghiệp chiếm tỷ lệ khoảng 29-33%. Sản phẩm chăn nuôi mới chỉ đáp ứng đủ nhu cầu tiêu dùng của tỉnh.

- Chăn nuôi ở vùng thấp đã có sự chuyên biến tích cực về phương thức, kỹ thuật chăn nuôi; Nhiều hộ chăn nuôi cũng đã mạnh dạn đầu tư, nâng quy mô đàn gia súc từ 20-50 con. Các giống mới cũng được nhập về như lợn ngoại, lợn lai, bò lai, các giống gia cầm công nghiệp cao sản, gà lai lông màu thả vườn... đã tác động làm nâng cao năng suất, chất lượng và hiệu quả chăn nuôi. Cụ thể:

+ Đàn lợn, giai đoạn 2016-2018 (thời điểm trước khi xảy ra bệnh dịch tả lợn Châu Phi) đạt 360.607 con, tăng 11,45% so với năm 2016 (343.736 con); sản lượng thịt hơi xuất chuồng 48.657 tấn, tăng 67,07% so với năm 2015 (29.123 tấn). Từ tháng 4/2019, bệnh dịch tả lợn Châu Phi xảy ra trên địa bàn tỉnh Cao Bằng làm ảnh hưởng trực tiếp đến công tác phát triển chăn nuôi, tổng đàn lợn đến hết năm 2021, còn khoảng 306.082 con (giảm 15,12 % so với năm 2018).

+ Đàn gia cầm 2,97 triệu con, tăng 32,23% so với năm 2016 (2,24 triệu con); sản lượng thịt hơi xuất chuồng 6.532 tấn, tăng 32,66% so với năm 2016 (4.924 tấn).

+ Đàn trâu 106.079 con, tăng 1,9% so với năm 2016 (104.098 con); sản lượng thịt hơi xuất chuồng 2.255 tấn, tăng 41,56% so với năm 2016 (1.593 tấn). Mặc dù tổng đàn tăng, tuy nhiên, sản lượng thịt trâu hơi xuất chuồng tăng là do

người dân dần dần chuyển hướng sang chăn nuôi trâu lấy thịt.

+ Đàn bò 105.195 con, giảm 6,34% so với năm 2016 (112.320 con); sản lượng thịt hơi xuất chuồng 2.298,7 tấn, tăng 13,24% so với năm 2016 (2.030 tấn).

+ Giá trị sản xuất của ngành chăn nuôi trong cơ cấu ngành nông nghiệp chiếm tỷ lệ dao động từ 30-32%, và có xu hướng tăng.

- Bên cạnh những kết quả đạt được, ngành chăn nuôi của tỉnh, đang đối mặt với rất nhiều khó khăn, thách thức, như: phương thức chăn nuôi mang tính quảng canh, năng suất thấp, giá thành sản phẩm cao, chất lượng và an toàn thực phẩm chưa ổn định, sức cạnh tranh thấp, chưa tạo được thương hiệu trên thị trường; chăn nuôi nông hộ, quy mô nhỏ lẻ, phân tán, nằm xen kẽ trong khu dân cư trên địa bàn chiếm đa số, bệnh dịch tả lợn Châu Phi vẫn diễn ra lẻ tẻ, khó khống chế triệt để, bên cạnh đó, việc xuất hiện bệnh mới như Viêm da nổi cục trên đàn trâu, bò, các biến chủng của cúm gia cầm... là những thách thức lớn đối với ngành chăn nuôi của tỉnh.

- Chăn nuôi ở Cao Bằng mang tính hỗn hợp, một hộ gia đình có thể nuôi nhiều loại vật nuôi cùng lúc, do đó cũng khó xác định loại vật nuôi kinh tế chủ lực. Theo kết quả điều tra nông thôn, nông nghiệp giữa kỳ năm 2020, trên địa bàn tỉnh có 32.862 hộ nuôi trâu; 25.514 hộ nuôi bò; 42.665 hộ chăn nuôi lợn; 75.759 hộ nuôi gà; Số hộ chăn nuôi quy mô lớn chiếm tỷ lệ rất thấp. Chăn nuôi lợn từ 30-100 con có 106 hộ, trên 100 đầu lợn có 5 hộ; chăn nuôi trâu bò từ 21-50 con có 12-13 hộ... do đó chưa hình thành các trang trại chăn nuôi tập trung. Việc chăn nuôi phân tán, nhỏ lẻ, thiếu sự kiểm soát về xử lý môi trường, vệ sinh phòng bệnh là một trong những nguyên nhân chính luôn tiềm ẩn nguy cơ bùng phát dịch bệnh trên đàn vật nuôi, đặc biệt nguy cơ cao lây nhiễm các bệnh truyền nhiễm nguy hiểm từ động vật sang người; việc triển khai thực hiện quy hoạch phát triển chăn nuôi tại các địa phương còn chậm.

## **2. Tình hình quản lý, xử lý chất thải:**

Toàn tỉnh có khoảng 86.068 hộ chăn nuôi, trong đó, 32.863 hộ nuôi trâu; 25.526 hộ nuôi bò; 42.665 hộ nuôi lợn; 75.758 hộ nuôi gia cầm; trong đó có khoảng 50.730 hộ có chuồng xây kiên cố, chiếm khoảng 58,94%; có 25.780 hộ (số liệu năm 2016) nuôi gia súc dưới gầm sàn nhà, chiếm 29,95%, có khoảng 9.588 hộ chăn nuôi có chuồng tạm, chưa có chuồng nuôi nhốt hoặc thả rông gia súc xung quanh nhà... Tuy nhiên, với chủ trương phát triển theo hướng an toàn sinh học, giảm thiểu ô nhiễm môi trường, thực hiện di dời chuồng trại, đến hết năm 2020, toàn tỉnh đã thực hiện di dời được 16.942 hộ nuôi gia súc ra khỏi gầm sàn nhà ở. Hiện trên địa bàn tỉnh, đã có trên 2.000 công trình khí sinh học đang hoạt động với nhiều kiểu thiết bị khác nhau. Các chương trình, dự án triển khai trên địa bàn tỉnh (dự án Lifsap (700 hầm), Dự án Khí sinh học...). Số hộ chăn nuôi còn lại đa số sử dụng biện pháp xử lý chất thải chăn nuôi bằng hố ủ phân 1-2 ngăn. Đối với các vùng sâu, vùng xa, nhiều hộ chăn nuôi vẫn để tình trạng phân gia súc thải ra ngoài, tiềm ẩn nguy cơ ô nhiễm môi trường.

### 3. Công tác phòng chống dịch bệnh và chính sách hỗ trợ

#### 3.1. Tình hình dịch bệnh:

- Từ năm 2016 – 2021, một số dịch, bệnh như: lở mồm long móng, cúm gia cầm, dịch tả lợn Châu Phi... đã xảy ra trên đàn vật nuôi gây thiệt hại lớn cho người chăn nuôi, cụ thể:

+ Bệnh LMLM xảy ra rải rác, tại các địa phương, trong đó năm 2019, có số trâu, bò mắc nhiều nhất là 1323 con, chết 25 con.

+ Bệnh Cúm gia cầm xảy ra vào năm 2016; 2017; 2018; 2019 với số con mắc tiêu huỷ 14.527 con gia cầm các loại;

+ Bệnh Dịch tả lợn châu phi xảy ra năm 2019; 2020 trên địa bàn toàn tỉnh, làm chết và buộc tiêu huỷ 119.848 con lợn, gây thiệt hại lớn cho người chăn nuôi và giảm tổng đàn.

- Nguyên nhân xảy ra dịch bệnh trên đàn vật nuôi: chăn nuôi gia súc, gia cầm quy mô nhỏ, phân tán, nằm trong khu dân cư còn chiếm tỷ lệ cao trên 80% số hộ chăn nuôi, trình độ, kiến thức chăn nuôi, phòng chống dịch của người dân còn rất hạn chế, chưa chủ động thực hiện tiêm phòng, vệ sinh thú y chuồng trại chăn nuôi; sản xuất con giống gia cầm tại chỗ chưa đáp ứng đủ nhu cầu sản xuất, hàng năm phải nhập từ các tỉnh vùng xuôi lên có thể nguy cơ mang theo mầm bệnh; Cao Bằng là cửa ngõ tiêu thụ các loại sản phẩm vật nuôi, con giống từ Việt Nam đi Trung Quốc và ngược lại, đồng thời cũng là địa bàn trung chuyển, vận chuyển đi các tỉnh lân cận vì vậy khó khăn lớn trong công tác kiểm dịch.

#### 3.2. Công tác phòng, chống dịch và cơ chế chính sách hỗ trợ:

- Hàng năm, ngành nông nghiệp thực hiện tham mưu cho UBND tỉnh chỉ đạo các địa phương thực hiện công tác tiêm phòng cho đàn vật nuôi các loại vắc xin: Vắc xin LMLM TB, Vắc xin THT TB, Vắc xin Dịch tả lợn; Vắc xin THT lợn; Vắc xin LMLM lợn; Vắc xin Đại chó; Vắc xin Cúm gia cầm; Vắc xin Tai xanh; Vắc xin Nhiệt thán...

- Ngoài số lượng vắc xin ngân sách tỉnh hỗ trợ, người chăn nuôi đã chủ động đầu tư kinh phí tiêm phòng một số loại vắc xin, như: Lép tô, Ecoli, Viêm phổi, Suyễn lợn; THT lợn, THT gà... để chủ động phòng chống dịch bệnh cho đàn vật nuôi.

- Trong 2 năm 2019-2020, để khắc phục thiệt hại do bệnh dịch tả lợn gây ra, tỉnh cũng đã ban hành chính sách hỗ trợ cho người chăn nuôi có lợn bị chết, bị tiêu huỷ với tổng kinh phí hỗ trợ 123,60 tỷ đồng.

**II. KẾT QUẢ RÀ SOÁT KHU VỰC NỘI THÀNH CỦA THÀNH PHỐ, THỊ XÃ, THỊ TRẤN VÀ KHU VỰC DÂN CƯ DỰ KIẾN ĐƯA VÀO LÀ “KHU VỰC KHÔNG ĐƯỢC PHÉP CHĂN NUÔI” VÀ SỰ CẦN THIẾT PHẢI BAN HÀNH NGHỊ QUYẾT**

- Theo kết quả tổng điều tra nông nghiệp nông thôn năm 2020, toàn tỉnh có 11.912 hộ chăn nuôi ở khu vực thành thị. Chăn nuôi càng phát triển kéo theo nó là nguy cơ ô nhiễm môi trường từ chất thải chăn nuôi càng lớn. Bên cạnh đó, một số bệnh truyền nhiễm có thể bị lây nhiễm từ động vật sang người (LMLM; Cúm gia cầm; Sảy thai truyền nhiễm; Nhiệt thán; ký sinh trùng; Uốn ván; Đại...). Chăn nuôi cũng đóng góp một phần đáng kể vào giá trị sản xuất kinh tế của ngành nông nghiệp cũng như thu nhập của một bộ phận người dân. Theo kết quả rà soát lấy ý kiến (4 lần) của các huyện thành phố, sau khi rà soát, hiện nay, có khoảng 200 hộ chăn nuôi trong khu vực nội thành của thành phố, thị trấn khu dân cư có khả năng gây ô nhiễm môi trường từ hoạt động chăn nuôi, đặc biệt là ô nhiễm về mùi, chất thải... Số lượng vật nuôi tại các khu vực này chiếm tỷ lệ thấp so với tổng đàn vật nuôi toàn tỉnh. Do đó nếu có dừng hoạt động chăn nuôi, thì cũng không ảnh hưởng lớn đến giá trị sản xuất của ngành chăn nuôi trong sản xuất nông nghiệp. Như vậy, cùng với tốc độ đô thị hoá, để đảm bảo vấn đề về mỹ quan cũng như giảm thiểu nguy cơ ô nhiễm môi trường từ chăn nuôi, sự lây lan dịch bệnh... thì việc ban hành quy định khu vực nội thành của thành phố, thị trấn khu dân cư không được phép chăn nuôi, trừ động vật làm cảnh, nuôi động vật trong phòng thí nghiệm mà không gây ô nhiễm môi trường là cần thiết.

- Bên cạnh đó, do đặc đặc điểm là tỉnh nghèo, người dân chủ yếu dựa vào sản xuất nông nghiệp, trong đó, có cả hoạt động chăn nuôi để phát triển kinh tế gia đình. Việc ngừng hoạt động chăn nuôi cũng sẽ ảnh hưởng đến sinh kế của các hộ nằm trong vùng không được phép chăn nuôi. Để đảm bảo ổn định đời sống thì việc ban hành các chính sách hỗ trợ khi di dời cơ sở chăn nuôi ra khỏi khu vực không được phép chăn nuôi trên địa bàn tỉnh Cao Bằng là cần thiết và phù hợp với các chủ trương, chính sách và quy định hiện hành.

### **III. ĐÁNH GIÁ SỰ TÁC ĐỘNG CỦA VIỆC BAN HÀNH QUYẾT ĐỊNH “KHU VỰC NỘI THÀNH CỦA THÀNH PHỐ, THỊ XÃ, THỊ TRẤN VÀ KHU VỰC ĐÔNG DÂN CƯ KHÔNG ĐƯỢC PHÉP CHĂN NUÔI VÀ HỖ TRỢ CÁC HỘ CHĂN NUÔI BỊ ẢNH HƯỞNG TRONG KHU VỰC KHÔNG ĐƯỢC PHÉP CHĂN NUÔI TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH CAO BẰNG”**

#### **3. 1. Tác động đến hệ thống pháp luật hiện hành**

- Nghị quyết ban hành đáp ứng được việc triển khai hiệu quả của Luật Chăn nuôi đến với cơ sở; Đồng thời đã đưa ra các định mức hỗ trợ rõ ràng cho các đối tượng bị ảnh hưởng cũng góp phần hỗ trợ người dân có điều kiện chuyển đổi sản xuất, ổn định đời sống, các vấn đề về an sinh xã hội được đảm bảo. Việc quy định chi tiết sẽ bảo đảm tăng tính khả thi áp dụng.

- Nghị quyết được ban hành không những không làm ảnh hưởng đến hệ thống văn bản quy phạm pháp luật mà còn dần hoàn thiện hành lang pháp lý trong công tác quản lý nhà nước về lĩnh vực chăn nuôi, góp phần vào việc hoàn thành thúc đẩy quá trình đô thị hoá, tiến tới hình thành và xây dựng các đô thị văn minh, hiện đại.

- Nghị quyết ban hành lấy quy mô chăn nuôi làm căn cứ đã đưa ra các định mức phù hợp. Việc quy định chi tiết sẽ bảo đảm tăng tính khả thi áp dụng, thống nhất cách hiểu về từng nội dung và hình thức hỗ trợ. Ngoài ra, trong Quyết định cũng không quy định thêm nội dung khác tại thời điểm này là phù hợp với yêu cầu thực tiễn về quản lý lĩnh vực chăn nuôi và thú y.

- Quyết định này được ban hành không những không làm ảnh hưởng đến hệ thống văn bản quy phạm pháp luật mà còn dần hoàn thiện hành lang pháp lý trong công tác quản lý nhà nước về lĩnh vực nông nghiệp; đồng thời, tạo điều kiện cho các cơ quan, tổ chức, cá nhân dễ dàng tiếp cận với các quy định của pháp luật một cách tập trung, thống nhất khi tham gia thực hiện chính sách.

### **3.2. Tác động đến nguồn lực đảm bảo thi hành**

- Nguồn vốn hỗ trợ thực hiện chính sách hỗ trợ các cơ sở chăn nuôi trong khu vực thuộc nội thành của thành phố, thị trấn, khu vực dân cư không được phép chăn nuôi khi ngừng hoặc di dời cơ sở chăn nuôi được đào tạo chuyển đổi nghề, hoặc ổn định đời sống, di dời đến địa điểm phù hợp để tái đầu tư từ nguồn ngân sách địa phương hoặc nguồn vốn từ Trung ương, vốn từ Chương trình mục tiêu Quốc gia nguồn huy động, đóng góp từ các tổ chức, cá nhân và các nguồn hợp pháp khác.

- Dự kiến tổng kinh phí thực hiện Nghị quyết là 3.723.000.000 đồng, tập trung vào các nội dung như: Hỗ trợ chi phí đào tạo chuyển đổi nghề (hình thức đào tạo không quá 3 tháng) hoặc hỗ trợ cho các hộ khi dừng hoạt động chăn nuôi mà không có nhu cầu đào tạo chuyển đổi nghề hoặc hỗ trợ di dời chuồng trại ra khỏi khu vực không được phép chăn nuôi.

- Nguồn kinh phí dự kiến đã xin ý kiến của Sở Tài chính và đã được Sở Tài chính cho ý kiến nhất trí tại công văn số 1815 /STC-QLNS, ngày 18/8/2022.

### **3.3. Tác động đến đời sống người dân**

- Việc ngừng hoạt động chăn nuôi trong khu vực nội thành thuộc thành phố, thị trấn, khu dân cư sẽ góp phần giảm thiểu ô nhiễm từ hoạt động chăn nuôi (ô nhiễm tiếng ồn, ô nhiễm mùi, môi nhiễm chất thải...), môi trường sống được xanh, sạch hơn; hạn chế, ngăn chặn mối nguy lây nhiễm các bệnh từ động vật sang người. Đồng thời thúc đẩy quá trình đô thị hoá từ thị trấn, thị tứ đến các khu vực trung tâm nội thành, nội thị. So sánh số hộ bị tác động gồm: Hộ không chăn nuôi nhưng bị ảnh hưởng bởi các hộ chăn nuôi khác trong khu vực sẽ có tác động nhiều hơn, do hơn 200 hộ chăn nuôi trong khu vực nội thành thuộc thành phố, thị trấn có thể tác động (ô nhiễm mùi, không khí thì chăn nuôi...) đến vài nghìn hộ khác.

- Công tác dừng hoạt động chăn nuôi trong khu vực trung tâm sẽ tạo điều kiện cho những hộ có điều kiện di dời ra các vùng được phép chăn nuôi, vùng quy hoạch phát triển chăn nuôi, từ đó, hình thành các khu vực chăn nuôi tập trung (nếu có), phù hợp với quy hoạch phát triển tổng thể của từng địa phương.

- Các chính sách hỗ trợ cho các hộ chăn nuôi nằm trong khu vực dân cư không được phép chăn nuôi cũng sẽ góp phần tạo điều kiện cho người dân có cơ hội chuyển đổi phương thức sản xuất, ổn định sinh kế, trong đó, tập trung vào các nội dung sau:

(1) Chính sách hỗ trợ chi phí đào tạo chuyển đổi nghề (hình thức đào tạo không quá 3 tháng) cho lao động của các cơ sở chăn nuôi bị ảnh hưởng (gồm hỗ trợ 03 triệu đồng/người/khoá; hỗ trợ tiền ăn 30.000 đồng/người/ngày thực học; hỗ trợ tiền đi lại cho người chăn nuôi 200.000 đồng/người/khoá nếu địa điểm đào tạo ở xa nơi cư trú từ 15 km trở lên).

(2) Hỗ trợ cho các hộ khi dừng hoạt động chăn nuôi mà không có nhu cầu đào tạo chuyển đổi nghề: Giúp cho các hộ dân có một phần kinh phí (vốn) để tái đầu tư sản xuất khác thay thế hoạt động chăn nuôi. Nội dung hỗ trợ: Đối với chăn nuôi nông hộ tương đương 30 kg gạo/nhân khẩu/tháng trong thời gian 06 tháng (quy đổi thành tiền), theo giá thị trường tại thời điểm hỗ trợ, mức hỗ trợ không quá 10 triệu đồng/hộ (cơ sở).

(3) Hỗ trợ di dời chuồng trại ra khỏi khu vực không được phép chăn nuôi.

- Mục tiêu: Giúp các hộ chăn nuôi có kinh phí để di dời chuồng trại ra khỏi khu vực không được phép chăn nuôi để có thể tiếp tục tái sản xuất tại những khu vực được chăn nuôi phù hợp.

- Nội dung hỗ trợ: Chi phí tháo dỡ chuồng trại tại khu vực không được phép chăn nuôi, vận chuyển, xây dựng chuồng mới tại khu vực được phép chăn nuôi.

- Đối với chuồng kiên cố (xây toàn bộ, hoặc có một phần vách lưới B40 hoặc lưới mắt cáo bao quanh; cột bê tông cốt thép hoặc khung cột thép; nền bê tông hoặc láng vữa xi măng dày 3cm; mái lợp tôn hoặc Phibro xi măng): Hỗ trợ 70.000 đồng/m<sup>2</sup> chuồng, nhưng không quá 10.000.000 đồng (Mười triệu đồng) cho một hộ/cơ sở chăn nuôi.

- Đối với chuồng tạm (cột gỗ, khung gỗ; nền láng vữa xi măng hoặc lát gạch, lát gỗ; vách bằng tre, nứa, gỗ tạp; mái lợp ngói, Phibro xi măng, mái lá): Hỗ trợ 50.000 đồng/m<sup>2</sup> chuồng, nhưng không quá 7.000.000 đồng (Bảy triệu đồng) cho một cơ sở chăn nuôi.

- Phương thức: hỗ trợ 1 lần sau khi xây xong chuồng trại tại địa điểm phù hợp.

- Hỗ trợ tái sản xuất chăn nuôi sau khi các hộ di dời chuồng trại ra khỏi khu vực không được phép chăn nuôi:

+ Đối với hộ/cơ sở chăn nuôi có nhu cầu tái sản xuất đáp ứng từ quy mô trang trại vừa, lớn thực hiện theo Nghị quyết số 20/2019/NQ-HĐND của Hội đồng nhân dân tỉnh về Ban hành chính sách đặc thù hỗ trợ doanh nghiệp, hợp tác xã đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn trên địa bàn tỉnh Cao Bằng.

+ Đối với chăn nuôi nông hộ/trang trại quy mô nhỏ: Thực hiện theo khoản 1, 2, 3, 4 Điều 4 Nghị quyết số 48/2020/NQ-HĐND, ngày 16/12/2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh về Ban hành quy định chính sách hỗ trợ phát triển nông lâm nghiệp trên địa bàn tỉnh Cao Bằng.

### 3.4. Công tác phòng bệnh cho đàn vật nuôi

Công tác phòng, chống dịch bệnh cho đàn vật nuôi phải thực hiện một cách tập trung, đồng bộ. Việc chăn nuôi nhỏ lẻ trong các khu vực nội thành thuộc thành phố, thị trấn, khu dân cư tiềm ẩn nhiều nguy cơ cao, phân tán, khó giám sát. Do đó, thực hiện dừng hoạt động chăn nuôi tại các khu vực trên là phù hợp với xu thế phát triển của đô thị. Công tác di dời đến các địa điểm phù hợp sẽ góp phần hỗ trợ cho công tác chủ động giám sát, phòng bệnh cho đàn vật nuôi.

Trên đây là Báo cáo đánh giá tác động của Dự thảo Nghị quyết quy định khu vực khu vực thuộc nội thành của thành phố, thị trấn, khu vực dân cư không được phép chăn nuôi và chính sách hỗ trợ khi di dời cơ sở chăn nuôi ra khỏi khu vực không được phép chăn nuôi trên địa bàn tỉnh Cao Bằng./.

**Nơi nhận:**

- UBND tỉnh;
- Sở Tư pháp;
- MTTQ tỉnh;
- Ban giám đốc Sở;
- Lưu: VT, TT&CN.

**GIÁM ĐỐC**



**Nguyễn Thái Hà**